

Danh sách kết quả rà soát hộ nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn giai đoạn 2022-2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCD, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

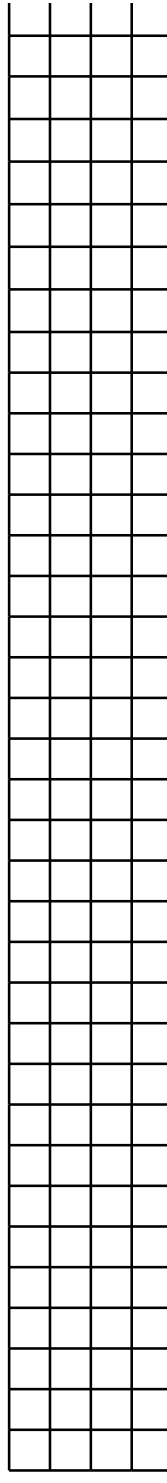
Năm

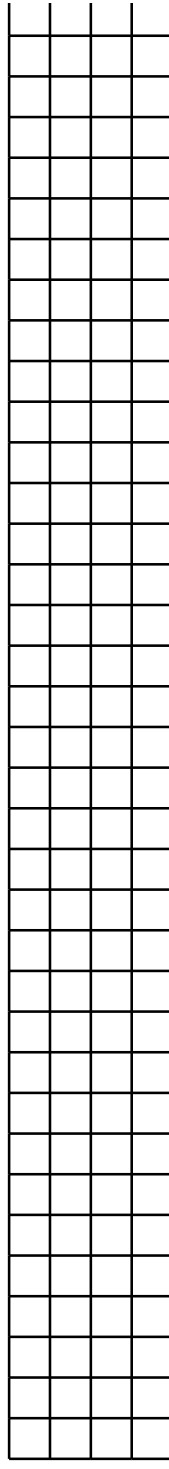
TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân nghèo							
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8
01	Đinh Thị Ích	3	Hrê	2	01/01/1982	Làng Ren			x			x	x				x	x			x	x						
02	Đinh Thị Liên	7	Hrê	2	08/02/1979	Làng Ren			x			x	x				x			x	x	x						
03	Đinh Văn Mậu	1	Hrê	1	08/06/1975	Cà Xen						x					x	x	x	x			x		x	x		x
04	Đinh Thị Số	1	Hrê	2	02/01/1956	Cà Xen									x		x	x		x			x		x	x		
05	Đinh Văn Ría	4	Hrê	1	01/01/1961	Cà Xen			x			x	x		x	x	x	x			x				x	x		
06	Đinh Văn Tranh	1	Hrê	1	01/01/1977	Cà Xen	x					x					x		x	x	x		x				x	x
07	Đinh Văn Mau	1	Hrê	1	19/06/1944	Cà Xen	x					x					x	x	x	x	x		x		x			x
08	Đinh Văn Suông	4	Hrê	1	02/10/1998	Cà Xen			x			x	x		x		x	x			x		x		x	x		
09	Đinh Thị Đú	1	Hrê	2	01/01/1965	Cà Xen	x					x	x		x			x	x	x			x		x	x		
10	Đinh Văn Gách	7	Hrê	2	01/01/1978	Cà Xen																						
11	Đinh Thị Lam	1	Hrê	2	01/01/1958	Làng Trê	x					x			x			x	x	x			x					
12	Đinh Thị Lên	1	Hrê	2	06/10/1963	Làng Trê	x					x			x			x	x	x			x					
13	Đinh Thị Tráy	1	Hrê	2	08/06/1963	Làng Trê	x					x						x	x	x			x					
14	Đinh Thị Bình	1	Hrê	2	01/01/1966	Làng Trê	x					x			x			x	x	x			x					
15	Đinh Thị Xăng	2	Hrê	2	04/02/1951	Làng Trê	x					x						x	x	x			x					
16	Đinh Thị Đỏ	2	Hrê	2	07/07/1960	Làng Trê	x					x			x			x		x			x					
17	Đinh Văn Hối	3	Hrê	1	15/05/1958	Làng Giữa			x								x	x	x	x				x				
18	Đinh Thị Lý	1	Hrê	2	15/06/1960	Làng Giữa			x								x	x	x	x			x					
19	Đinh Thị Rua	2	Hrê	2	02/03/1971	Làng Giữa			x						x		x	x						x				
20	Đinh Thị Xú	2	Hrê	2	15/03/1968	Làng Giữa			x								x	x	x	x	x							
21	Đinh Văn Tia	2	Hrê	1	03/02/1968	Làng Giữa			x								x	x	x	x					x			

22	Đinh Thị Đíp	1	Hrê	2	10/07/1980	Làng Giũa											X	X	X	X	X							
23	Đinh Thị Bó	1	Hrê	2	16/09/1959	Làng Giũa				X							X	X	X	X			X					
24	Đinh Thị Gia	1	Hrê	2	01/01/1939	Gò Nhiêu	x			X								X	X	X	X				X			
25	Đinh Dôm	1	Hrê	1	01/12/1936	Gò Nhiêu				X					X		X	X	X	X	X		X	X		X		
26	Đinh Văn Hành	1	Hrê	1	13/07/1958	Gò Nhiêu				X								X	X	X			X					
27	Đinh Gàn	2	Hrê	2	01/01/1956	Gò Nhiêu				X	X							X	X	X		X	X					
28	Đinh Thị Ấp	4	Hrê	2	01/01/1963	Gò Nhiêu				X		X			X		X	X		X		X	X					
29	Đinh Văn Lối	5	Hrê	1	01/01/1979	Gò Nhiêu				X	X			X	X				X		X						X	
30	Đinh Thị Lủi	4	Hrê	2	01/01/1966	An Phương				X		X	X	X					X	X	X	X						
31	Đinh Thị Đuôi	1	Hrê	2	08/10/1956	An Phương	x					X			X				X				X					
32	Đinh Thị Tiểu	2	Hrê	2	01/01/1956	An Phương	x					X							X				X					
33	Đinh Thị Ổi	3	Hrê	2	01/01/1971	An Phương				X		X					X	X	X	X		X				X		
34	Đinh Thị Oi	1	Hrê	2	01/01/1961	An Phương						X							X	X	X	X		X			X	
35	Đinh Tây	1	Hrê	1	01/01/1959	An Phương	x					X							X	X			X				X	
36	Đinh Nhá	3	Hrê	1	01/01/1959	Thượng Đố					X				X							X					X	
37	Đinh Thị Ý	5	Hrê	2	01/01/1964	Thượng Đố				X					X			X				X	X					
38	Đinh Cỏi	4	Hrê	1	01/01/1964	Thượng Đố				X					X			X					X					
39	Đinh Thị Bối	7	Hrê	2	01/9/2004	Thượng Đố	x			X					X							X	X					
40	Đinh Văn Cờ	3	Hrê	1	01/01/1973	Thượng Đố	x			X												X	X				X	
41	Đinh Hoanh	6	Hrê	1	01/01/1958	Thượng Đố	x			X					X			X					X				X	
42	Đinh Thị Táp	1	Hrê	2	01/01/1966	Thượng Đố												X	X	X		X						
43	Đinh Thị Õa	3	Hrê	2	02/5/1981	Thượng Đố				X				X				X				X	X					
44	Đinh Lít	2	Hrê	1	02/09/1959	An Thanh				X			X				X			X							X	
45	Đinh Văn Enh	2	Hrê	1	01/12/1964	An Thanh				X					X					X								
46	Đinh Thị Thanh	2	Hrê	2	01/01/1956	An Thanh	x			X		X							X	X			X					
47	Đinh Thị Rúp	1	Hrê	2	31/05/1957	An Thanh	x					X					X	X	X	X			X					
48	Đinh Thị Kê	1	Hrê	2	01/01/1960	An Thanh	x			X								X	X	X	X	X		X		X		
49	Đinh Thị Nghĩa	1	Hrê	2	12/10/1961	An Thanh	x			X			X		X				X				X					
50	Đinh Thị Tho	1	Hrê	2	14/10/1953	An Thanh				X					X				X	X								
51	Đinh Thị Một	3	Hrê	2	29/03/1993	An Thanh				X			X				X	X										
52	Đinh Thị Bé	1	Hrê	2	01/01/1961	Đồng Càn						X						X	X	X								
53	Trần Thị Minh Hiếu	2	Hrê	2	21/11/1974	Đồng Càn						X					X	X	X									
54	Đinh Thị Kêm	1	Hrê	2	01/01/1959	Đồng Càn						X					X	X	X	X								
55	Đinh Lờì	2	Hrê	1	01/01/1961	Đồng Càn						X					X	X	X									
56	Đinh Ghì	3	Hrê	2	01/01/1956	Đồng Càn				X	X		X					X										
57	Đinh Thị Tiên	4	Hrê	2	01/01/1963	Đồng Càn						X			X	X												

58	Đinh Văn Tăng	5	Hrê	1	10/02/1988	Đông Càn				x		x		x		x											
59	Đinh Thị Phìn	3	Hrê	2	01/01/1975	Đông Càn						x	x			x	x										
60	Đinh Văn Bin	2	Hrê	1	23/03/1964	Đông Vang				x						x	x					x					
61	Đinh Thị Gửi	1	Hrê	2	01/01/1930	Đông Vang				x					x		x					x					
62	Đinh Thị Lưới	1	Hrê	2	01/01/1975	Đông Vang									x			x	x			x					
63	Đinh Thị Eo	1	Hrê	2	01/01/1962	Đông Vang						x						x	x			x					
64	Lê Thị Hồng Sương	1	Hrê	2	02/02/1954	Đông Vang				x							x	x				x					
65	Đinh Văn Mạnh	5	Hrê	1	12/01/1950	Đông Vang				x		x		x							x						
66	Nguyễn Ngọc Thanh	11	Kinh	1	04/01/1975	Thôn 1				x	x				x						x						
67	Nguyễn Thị Nhàn	4	Kinh	2	01/12/1968	Thôn 1				x	x						x				x						
68	Trần Thị Thuỷ	1	Kinh	2	10/5/1973	Thôn 1				x	x		x										x				
69	Nguyễn Thị Thu	3	Kinh	2	08/03/1957	Thôn 2				x					x		x										
70	Phan Thị Chỉ	3	Kinh	2	01/01/1945	Thôn 2				x						x	x	x									
71	Trần Thị Vân	2	Kinh	2	20/01/1946	Thôn 2				x				x		x	x	x									
72	Nguyễn Thị Ngọc	2	Kinh	1	10/10/1959	Thôn 3	x				x							x				x				x	
73	Lê Thị Nhị	3	Kinh	1	02/02/1955	Thôn 3					x							x				x			x		
74	Cao Thanh Long	5	Kinh	2	01/01/1954	Thôn 3					x											x				x	
75	Nguyễn Thị Ngoan	2	Kinh	2	01/12/1948	Thôn 3					x															x	
76	Đinh Thị Lan	1	Hrê	2	06/09/1955	Hà Liet											x	x	x								
77	Đinh Thị Lành	1	Hrê	2	13/01/1945	Hà Liet				x								x	x								
78	Đinh Thép	1	Hrê	1	08/08/1950	Hà Liet				x								x	x								
79	Đinh Thị Thia	1	Hrê	2	01/01/1961	Hà Liet				x								x	x								
80	Đinh Thị Thiết	1	Hrê	2	06/06/1962	Hà Liet											x	x	x								
81	Đinh Thị Long	1	Hrê	2	14/02/1952	Hà Liet											x	x	x								
82	Đinh Thị Tháo	2	Hrê	2	05/09/1956	Hà Liet																					
83	Đinh Túť	2	Hre	1	17/9/1952	Hà Xuyên	x			x							x	x	x				x				x
84	Đinh Thị Bộc	1	Hre	2	01/01/1959	Hà Xuyên	x			x						x	x	x	x				x				x
85	Đinh Thị Hầy	1	Hre	2	06/11/1941	Hà Xuyên	x			x							x	x	x				x				x
86	Đinh Thị Xanh	1	Hre	2	09/11/1949	Hà Xuyên	x			x						x	x	x	x				x				x
87	Đinh Thị Bói	2	Hre	2	10/10/1984	Hà Xuyên	x			x				x		x	x	x								x	x
88	Đinh Thị P Rúť	1	Hre	2	06/03/1941	Hà Xuyên	x			x						x	x	x	x				x				x
89	Đinh Thị Đôn	1	Hre	2	19/6/1954	Hà Xuyên	x			x						x	x	x	x				x				x
90	Đinh Thị Thời	1	Hre	2	01/01/1959	Hà Xuyên	x			x						x	x	x	x		x		x				x
91	Đinh Thị Rã	1	Hre	2	01/01/1919	Hà Xuyên	x			x						x	x	x	x				x				x
92	Đinh Văn Xiêu	2	Hre	1	10/07/1946	Hà Xuyên	x			x							x	x	x				x				x
93	Đinh Thị Trăm	1	Hre	2	04/10/1947	Hà Xuyên	x			x							x	x	x		x		x				x

94	Đinh Cheo	2	Hre	1	20/10/1933	Hà Xuyên	x		x								x	x	x			x					x	
95	Đinh Thị Xê	2	Hre	2	20/4/1941	Hà Xuyên	x		x								x	x	x			x					x	
96	Đinh Thị Trúc	1	Hre	2	10/09/1953	Hà Xuyên	x		x								x	x	x			x					x	
97	Đinh Thị Vay	1	Hre	2	01/01/1946	Hà Xuyên	x		x								x	x	x			x					x	
98	Đinh Thị Trang	1	Hre	2	01/12/1965	Hà Xuyên											x	x	x		x	x		x				
99	Đinh Phi	2	Hre	1	19/8/1940	Hà Xuyên	x		x								x	x	x			x					x	
100	Đinh Thị Dúp	1	Hre	2	01/01/1952	Hà Xuyên	x		x								x	x	x			x					x	
101	Đinh Thị Bì	1	Hre	2	09/06/1955	Hà Xuyên	x		x						x	x	x	x	x	x		x			x	x		
102	Đinh Thị Lại	1	Hrê	1	10/01/1955	Hà Bôi								x	x		x					x						
103	Đinh Me	2	Hrê	1	01/01/1959	Hà Bôi								x	x		x								x			
104	Đinh Thị Trái	1	Hrê	2	05/10/1967	Hà Bôi									x	x		x								x		
105	Đinh Nhon	2	Hrê	1	01/01/1944	Hà Bôi									x	x		x								x		
106	Đinh In	2	Hrê	1	13/09/1946	Hà Bôi									x		x	x								x		
107	Đinh Nghiêu	2	Hrê	1	05/10/1950	Hà Bôi									x	x			x						x			
108	Đinh Xâm	2	Hrê	1	03/02/1953	Hà Bôi									x		x		x						x			
109	Đinh Thị Găm	1	Hrê	2	01/01/1940	Hà Bôi										x		x	x			x						
110	Đinh Thị My	1	Hrê	2	20/03/1957	Hà Bôi										x	x	x				x						
Tổng cộng:		236	110				39	0	57	18	4	34	11	2	24	14	44	70	79	62	24	17	54	2	12	11	16	20





[illegible]

Danh sách kết quả rà soát hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 theo
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát)

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	C	
									1	2
01	Đinh Văn Ngăn	2	Hrê	1	01/01/1968	Cà Xen				
02	Đinh Thị Bời	1	Hrê	2	18/04/1967	Làng Trê				
03	Đinh Văn Bon	4	Hrê	1	01/01/1960	Làng Trê				
04	Đinh Văn Béo	3	Hrê	1	01/01/1975	Gò Nhiều				
05	Đinh Thị Lít	4	Hrê	2	01/01/1976	An Phương				
06	Đinh Trối	2	Hrê	1	01/01/1958	Thượng Đổ	x		x	
07	Đinh Thị Múi	1	Hrê	2	01/12/1936	An Thanh				
08	Đinh Văn Bệnh	4	Hrê	1	15/03/1990	Đồng Càn				
09	Đinh Thị Beo	4	Hrê	2	29/03/1993	Đồng Càn				
10	Đinh Văn Bộ	1	Hrê	1	06/01/1951	Đồng Vang			x	
11	Đinh Văn Hồ	3	Hrê	1	01/01/1975	Đồng Vang				
12	Đinh Văn Bi	5	Hrê	1	23/03/1964	Đồng Vang			x	
13	Nguyễn Hồng	2	Kinh	1	20/10/1951	Thô 1	x			
14	Bùi Kinh	17	Kinh	1	21/10/1959	Thô 1				
15	Trần Quốc Toàn	3	Kinh	1	14/12/1990	Thô 1				x
16	Trần Tuấn	5	Kinh	1	02/10/1946	Thô 1	x			x
17	Trần Thị Hợp	2	Kinh	2	01/01/1947	Thô 1	x			
18	Trần Thị Điệp	7	Kinh	2	08/03/1957	Thôn 2				
19	Nguyễn Thị Mỹ	2	Kinh	2	01/02/1948	Thôn 2				
20	Lê Thị Cảnh	4	Kinh	2	01/01/1948	Thôn 2			x	
21	Trần Minh Xuân	4	Kinh	1	01/05/1944	Thôn 2				
22	Huỳnh Thị Liên	4	Kinh	2	01/01/1949	Thôn 3	x			x
23	Nguyễn Thị Năm	1	Kinh	2	01/01/1956	Thôn 3	x			
24	Nguyễn Thị Thanh	5	Kinh	2	20/03/1956	Thôn 3				x
25	Cao Thanh Vân	2	Kinh	1	10/03/1953	Thôn 3	x			x
26	Nguyễn Xuân Thanh	3	Kinh	1	20/07/1936	Thôn 3				x
27	Lê Thị Tư	2	Kinh	2	12/01/1939	Thôn 3			x	x
28	Nguyễn Phúc	4	Kinh	1	02/02/1961	Thôn 3			x	x
29	Đinh Thị Thêu	1	Hrê	2	02/03/1968	Hà Liệt			x	
30	Đinh Thị Tít	1	Hrê	2	01/12/1982	Hà Liệt				
31	Đinh Văn Hốt	2	Hrê	1	10/05/1961	Hà Liệt				

32	Đinh Túp	2	Hrê	1	02/06/1961	Hà Liet				
33	Đinh Lố	2	Hre	1	01/01/1945	Hà Xuyên			x	
34	Đinh Văng	2	Hrê	1	01/01/1968	Hà Bôi				
35	Đinh Siêng	2	Hrê	1	01/03/1955	Hà Bôi	x			
Tổng cộng:		113	35				8	0	8	8

Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo

Nguyên nhân cận nghèo

**Chỉ số
thiếu hụt
của
trẻ em**

[illegible]

								X	X													
							X	X	X			X	X	X	X							
				X			X									X						
				X		X									X							
0	4	3	0	7	4	4	6	15	8	6	7	8	1	4	9	3	1	0	0	0	0	0

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

Năm rà s

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quan hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Số CCCD/ Mã định danh	Dân tộc	Thành viên là người có công với cách mạng	Thành viên không có khả năng lao động
A	Danh sách hộ nghèo							
	Thôn Làng Ren (số hộ 02, số khẩu 10)						0	0
01	Đình Thị Ích (Chủ hộ)	1	2	01/01/1982	051182014424	Hrê		
	Đình Văn Nhị	3	1	15/08/2008	051208002495	Hrê		
	Đình Văn Tiền	3	1	01/04/2020	051220001655	Hrê		
02	Đình Thị Liên (Chủ hộ)	1	2	08/02/1979	051179006722	Hrê		
	Đình Văn Trơ	5	1	12/12/1997	051097016831	Hrê		
	Đình Thị Phia	3	2	29/05/2014	051311013339	Hrê		
	Đình Quốc Thịnh	5	1	02/11/2020	051220007735	Hrê		
	Đình Bảo Phúc	5	1	27/03/2021	051221001890	Hrê		
	Đình Thị Phê	3	2	01/03/2003	051303011975	Hrê		
	Đình Thị Phụng	3	2	01/05/2002	051302006858	Hrê		
II	Thôn Cà Xen (số hộ 08, số khẩu 20)						0	06
01	Đình Văn Mậu (Chủ hộ)	1	1	08/06/1975	051075009403	Hrê		x
02	Đình Thị Sổ (Chủ hộ)	1	2	02/01/1956	051156007815	Hrê		x
03	Đình Văn Ría (Chủ hộ)	1	1	01/01/1961	051061007696	Hrê		x
	Đình Văn Lút	3	1	15/05/1995	051095004622	Hrê		
	Đình Văn Bối	3	1	08/06/2004	051204008866	Hrê		
	Đình Văn Biên	3	1	08/06/2004	051204012318	Hrê		
04	Đình Văn Tranh (Chủ hộ)	1	1	01/01/1977	051077009491	Hrê		x
05	Đình Văn Mau (Chủ hộ)	1	1	19/06/1944	051044003142	Hrê		x
06	Đình Văn Suông (Chủ hộ)	1	1	02/10/1998	051098002809	Hrê		
	Đình Thị Đen	2	2	20/09/1997	051197008035	Hrê		
	Đình Hào Nam	3	1	12/07/2014	051214014850	Hrê		
	Đình Thị Yên Nhi	3	2	12/07/2015	051315014175	Hrê		
07	Đình Thị Đú (Chủ hộ)	1	2	01/01/1965	051165008393	Hrê		x
08	Đình Văn Gách (Chủ hộ)	1	1	01/01/1978	051078013221	Hrê		
	ĐìnhThị Hương	2	2	01/01/1990	051190007664	Hrê		
	Đình Thị Chân	3	2	20/11/2005	051305007321	Hrê		
	Đình Thị Mỹ Châu	3	2	18/09/2010	051310001376	Hrê		
	Đình Thị Thùy Chúc	3	2	19/09/2014	051314013273	Hrê		
	Đình Đăng Khoa	3	1	31/05/2018	051218000333	Hrê		
	Đình Thị Mai Linh	3	2	19/03/2021	051321001512	Hrê		
III	Thôn Làng Trê (số hộ 06, số khẩu 08)						0	06
01	Đình Thị Lam (Chủ hộ)	1	2	01/01/1958	051158002609	Hrê		x
02	Đình Thị Lên (Chủ hộ)	1	2	06/10/1963	051163006343	Hrê		x
03	Đình Thị Tráy (Chủ hộ)	1	2	08/06/1963	051163011120	Hrê		x
04	Đình Thị Bình (Chủ hộ)	1	2	01/01/1966	051166011634	Hrê		x
05	Đình Thị Xăng (Chủ hộ)	1	2	04/02/1951	051151003126	Hrê		x
	Đình Văn Rết	3	1	12/01/1978	051078007068	Hrê		
06	Đình Thị Đò (Chủ hộ)	1	2	08/07/1960	051160004749	Hrê		x
	Đình Văn Hon	3	1	10/09/1989	051089013505	Hrê		

IV	Thôn Làng Giữa (số hộ 07, số khẩu 12)						0	0
01	Đình Văn Tia (Chủ hộ)	1	1	03/02/1968	051068012059	Hrê		
	Đình Thị Buôn	2	2	20/03/1960	051160010937	Hrê		
02	Đình Thị Xú (Chủ hộ)	1	2	15/03/1968	051168011325	Hrê		
	Đình Thị Nga	3	2	01/01/1993	051193014991	Hrê		
03	Đình Thị Đíp (Chủ hộ)	1	2	10/07/1980	051180008834	Hrê		
04	Đình Thị Lý (Chủ hộ)	1	2	15/06/1960	005116003916	Hrê		
05	Đình Thị Bô (Chủ hộ)	1	2	16/09/1959	051159005697	Hrê		
06	Đình Văn Hôi (Chủ hộ)	1	1	15/05/1958	051058007321	Hrê		
	Đình Thị Bích	2	2	17/04/1965	051165010654	Hrê		
	Đình Văn Lanh	3	1	25/10/1987	051087006439	Hrê		
07	Đình Thị Rua	1	2	02/03/1971	051171008774	Hrê		
	Đình Văn Hui	5	2	2011				
V	Thôn Gò Nhiêu (số hộ 06, số khẩu 14)						0	03
01	Đình Thị Gia (Chủ hộ)	1	2	01/01/1939	051139000189	Hrê		x
02	Đình Dôm (Chủ hộ)	1	1	01/12/1936	051036005406	Hrê		x
03	Đình Văn Hành (Chủ hộ)	1	1	13/07/1958	051058000893	Hrê		x
04	Đình Gàn (Chủ hộ)	1	1	01/01/1956	051056000966	Hrê		
	Đình Thị Sura	2	2	01/01/1993	051193017683	Hrê		
05	Đình Thị Ấp (Chủ hộ)	1	2	01/01/1963	051163004508	Hrê		
	Đình Thị Sa	3	2	10/12/1989	051189001772	Hrê		
	Đình Văn Mư	5	1	09/10/2009	051209002659	Hrê		
	Đình Văn Mên	5	1	04/05/2011		Hrê		
06	Đình Văn Lỗi (Chủ hộ)	1	1	01/01/1979	051079001689	Hrê		
	Đình Thị Sin	2	2	02/01/1982	051182001815	Hrê		
	Đình Thị Nhành	3	2	20/01/2003	005130001982	Hrê		
	Đình Thị Nhon	3	2	06/05/2008	051308001129	Hrê		
	Đình Thị Bích Huyền	5	2	17/04/2020	051320003237	Hrê		
VI	Thôn An Phương (số hộ 06, số khẩu 12)						0	02
01	Đình Thị Lúi (Chủ hộ)	1	2	01/01/1966	051166001918	Hrê		
	Đình Thị Trâm	3	2	01/01/1983	051183013901	Hrê		x
	Đình Thị Méo	3	2	01/01/1986	051186001981	Hrê		
	Đình Thị Phụ	5	2	18/12/2015	051315002202	Hrê		
02	Đình Thị Đuôi (Chủ hộ)	1	2	08/10/1956	051156001056	Hrê		
03	Đình Thị Tiêu (Chủ hộ)	1	2	01/01/1956	051156001038	Hrê		
	Đình Văn Oan	3	1	01/01/1989	051089001252	Hrê		
04	Đình Thị Ồi (Chủ hộ)	1	2	01/01/1971	051171001308	Hrê		
	Đình Câu	2	1	01/01/0972	051072021009	Hrê		
	Đình Thị Thái	3	2	22/07/2014	051313010241	Hrê		
05	Đình Thị Ồi (Chủ hộ)	1	2	01/01/1961	051161000789	Hrê		
06	Đình Tây (Chủ hộ)	1	1	01/01/1959	051059005888	Hrê		x
VII	Thôn Thượng Đổ (số hộ 08, số khẩu 32)						0	1
01	Đình Nhá (Chủ hộ)	1	1	01/01/1959	051059008365	Hrê		
	Đình Thị Rầy	2	2	01/01/1966	051156007596	Hrê		
	Đình Văn Sura	3	1			Hrê		
02	Đình Thị Ý (Chủ hộ)	1	2	01/01/1964	051161006409	Hrê		
	Đình Văn Kê	3	1	07/05/1994	051094004657	Hrê		
	Đình Thị Hải	3	2	20/06/1995	051195011992	Hrê		
	Đình Trung Kiên	5	1	09/10/2013	051213006144	Hrê		
	Đình Thị Mi Kim	5	2	18/02/2018	051318009138	Hrê		
03	Đình Còi (Chủ hộ)	1	1	01/01/1964	051064011207	Hrê		
	Đình Thị Còi	2	2	01/12/1964	051164012085	Hrê		
	Đình Sói	3	1	24/06/1988	051088015481	Hrê		

	Đinh Duy Kiên	5	1	14/02/2015	051215008977	Hrê		
04	Đinh Thị Bối (Chủ hộ)	1	2	01/09/2004	051304007752	Hrê		
	Đinh Cu	2	1	01/5/1999	051099012405	Hrê		
	Đinh Trọng Hiếu	3	1	04/06/2021	051221011045	Hrê		
	Đinh Thị Thuốc	5	2	01/01/1997	051197011607	Hrê		
	Đinh Văn Mì	5	1	13/05/1996	051096007513	Hrê		
	Đinh Văn Phong	5	1	01/10/2021	051221009646	Hrê		
	Đinh Long Phương	5	1	20/01/2016	051216003614	Hrê		
05	Đinh Văn Cờ (Chủ hộ)	1	1	01/01/1973	051073017166	Hrê		
	Đinh Thị Trên	2	2	25/03/1975	051175004178	Hrê		
	Đinh Văn Trì	3	1	23/06/1998	051098007074	Hrê		
06	Đinh Hoanh (Chủ hộ)	1	1	01/01/1958	051058006331	Hrê		
	Đinh Thị Tròn	2	2	15/03/1962	051162008585	Hrê		
	Đinh Kát	3	1	07/03/1994	051094017256	Hrê		
	Đinh Thị Sinh	3	2	07/06/1996	051196007974	Hrê		
	Đinh Duy Ân	5	1	11/02/2015	051215002587	Hrê		
	Đinh Duy Mạnh	5	1	19/01/2025	051225000288	Hrê		
07	Đinh Thị Táp (Chủ hộ)	1	2	01/01/1966	051166009618	Hrê		x
08	Đinh Thị Ôa (Chủ hộ)	1	2	02/05/1981	051181017551	Hrê		
	Đinh Thị Thỏa	3	2	24/08/2000	051300006568	Hrê		
	Đinh Duy Vũ	3	1	03/02/2010	051200091921	Hrê		
VIII	Thôn An Thanh (số hộ 08, số khẩu 15)						0	05
01	Đinh Lít (Chủ hộ)	1	1	02/09/1959	051059000710	Hrê		
	Đinh Thị Vị	2	2	01/12/1959	051159000808	Hrê		
02	Đinh Văn Enh (Chủ hộ)	1	1	01/12/1964	051064001526	Hrê		
	Đinh Thị Rôm	2	2	01/01/1971	051171001324	Hrê		
03	Đinh Thị Thanh (Chủ hộ)	1	2	01/01/1956	051156001040	Hrê		x
	Đinh En	2	1	15/10/1950	051050000699	Hrê		
	Đinh Minh Chương	5	1	2005		Hrê		
	Đinh Thị Minh Phương	5	2	2008		Hrê		
04	Đinh Thị Rúp (Chủ hộ)	1	2	31/05/1957	051157000837	Hrê		x
05	Đinh Thị Kê (Chủ hộ)	1	2	01/01/1960	051160007830	Hrê		x
06	Đinh Thị Nghĩa (Chủ hộ)	1	2	12/10/1961	051161000775	Hrê		x
07	Đinh Thị Tho (Chủ hộ)	1	2	14/10/1953	511530001881	Hrê		x
08	Đinh Thị Một (Chủ hộ)	1	2	29/03/1993	051193001194	Hrê		
	Đinh Văn Phúc	3	1	12/11/2009		Hrê		
	Đinh Thị Hương Mai	3	2	27/01/2022	051322000137	Hrê		
IX	Thôn Đồng Cẩn (số hộ 08, số khẩu 21)						0	0
01	Đinh Thị Bé (Chủ hộ)	1	2	01/01/1961	051061002352	Hrê		
02	Trần Thị Minh Hiếu (Chủ hộ)	1	2	21/11/1974	051174001395	Kinh		
	Võ Văn Đơn	3	1	10/11/1994	051094011824	Kinh		
03	Đinh Thị Kêm	1	2	01/01/1959	051159000863	Hrê		
04	Đinh Lờ (Chủ hộ)	1	1	01/01/1961	051061000749	Hrê		
	Đinh Thị Sốt	2	1	01/01/1964	051164001518	Hrê		
05	Đinh Ghi (Chủ hộ)	1	2	01/01/1956	051056000906	Hrê		
	Đinh Thị Nhâm	2	2	01/01/1956	051156001041	Hrê		
	Đinh Thị Tuyết Nhi	5	2	27/08/2008	051308005993	Hrê		
06	Đinh Thị Tiên (Chủ hộ)	1	2	01/01/1963	051163010133	Hrê		
	Đinh Thị Trông	3	2	05/06/2003	051303002108	Hrê		
	Đinh Thị Mỹ Uyên	5	2	16/01/2022	051322000094	Hrê		
	Đinh Văn Viên	5	1	10/03/1999	051099003821	Hrê		
07	Đinh Văn Tăng (Chủ hộ)	1	1	10/02/1988	051088011272	Hrê		
	Đinh Thị Sy	2	2	12/10/1998	051198006063	Hrê		
	Đinh Văn Hùng	3	1	02/12/2015	051215006431	Hrê		
	Đinh Thị Hằng	3	2	07/12/2018	051318007936	Hrê		

	Đinh Thị Hân	3	2	26/11/2021	051321002766	Trê		
08	Đinh Thị Phìn (Chủ hộ)	1	2	01/01/1975	051175005903	Trê		
	Đinh Thị Điều	3	2	01/01/1997	051197014775	Trê		
	Đinh Thị Chi	5	2	16/05/2016	051316005502	Trê		
X	Thôn Đồng Vang (số hộ 06, số khẩu 11)						0	0
01	Đinh Văn Bin (Chủ hộ)	1	1	23/03/1964	051064020938	Trê		
	Đinh Thị Chươi	2	2	01/12/1953	051153009328	Trê		
02	Đinh Thị Gửi (Chủ hộ)	1	2	01/01/1930	051130004118	Trê		
03	Đinh Thị Lười (Chủ hộ)	1	2	01/01/1975	051175005708	Trê		
04	Đinh Thị Eo (Chủ hộ)	1	2	01/01/1962	051162012242	Trê		
05	Lê Thị Hồng Sương (Chủ hộ)	1	2	02/02/1954	049154008658	Trê		
06	Đinh Văn Mạnh (Chủ hộ)	1	1	12/01/1950	051050005515	Trê		
	Đinh Thị Bá	2	2	15/11/1952	051152005192	Trê		
	Đinh Văn Nóc	3	1	01/09/1997	051097020374	Trê		
	Đinh Thị Soi	5	2	18/01/1999	051224007739	Trê		
	Đinh Hoàng Vũ	5	1	02/11/2024	005122407739	Trê		
XI	Thôn 1 (03 hộ, 16 nhân khẩu)						0	3
01	Trần Thị Thuý	1	2	05/10/1973	051173008348	Kinh		x
02	Nguyễn Thị Ngân	1	2	12/01/1968	051158004401	Kinh		
	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	3	2			Kinh		
	Lê Thị Bảo Khuyên	5	2	14/6/2016	051316007725	Kinh		x
	Lê Thị Bảo Ngọc	5	2	04/06/2019	051319009912	Kinh		x
03	Nguyễn Thanh Ngọc	1	1	04/01/1975	051075005273	Kinh		
	Nguyễn Thanh Hùng	5	1			Kinh		
	Nguyễn Thị Lệ	5	2	07/9/1984	051184007922	Kinh		
	Nguyễn Thương	5	1	01/9/1986	051086011208	Kinh		
	Bùi Thị Thuận	5	2	01/01/1994	051194005292	Kinh		
	Nguyễn Thanh Mến	5	1	10/02/1992	051092014327	Kinh		
	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	5	2	07/05/2008	051308003327	Kinh		
	Nguyễn Nhật Thảo Ly	5	2	15/6/2013	051313007958	Kinh		
	Nguyễn Thị Thanh Thảo	5	2	28/6/2013	051313004621	Kinh		
	Nguyễn Nhật Thảo Quỳnh	5	2	15/02/2016	051316004836	Kinh		
	Nguyễn Thanh Nguyên	5	1	15/02/2015		Kinh		
XII	Thôn 2 (số hộ 03, số khẩu 08)						0	0
01	Nguyễn Thị Thu	1	2	08/03/1957	051157000882	Kinh		
	Nguyễn Hoàng Huy Tuấn	3	1	25/01/2000		Kinh		
	Nguyễn Hữu Mai	5	5	12/10/1964	051064020504	Kinh		
02	Phan Thị Chi	1	2	01/01/1945	051145004697	Kinh		
	Nguyễn Thị Huệ	3	2	01/01/1971	051171009104	Kinh		
	Đặng Thị Hiếu Hoa	3	2	19/02/1984	051184015435	Kinh		
03	Trần Thị Vân	1	2	20/01/1946	001146005470	Kinh		
	Trần Thanh Quang	5	1					
XIII	Thôn 3 (số hộ 04, số khẩu 12)							06
01	Nguyễn Thị Ngọc (Chủ hộ)	1	2	11/02/1959	051159009253	Kinh		x
	Nguyễn Lê Thiên Ân	5	1	26/10/2021	051121004099	Kinh		
02	Lê Thị Nhị (Chủ hộ)	1	2	10/10/1955	051155010353	Kinh		x
	Huỳnh Thị Tươi	3	2	08/10/1991	005119104088	Kinh		
	Huỳnh Thị Xuân	5	2	01/06/2009	051309006828	Kinh		
03	Cao Thanh Long (Chủ hộ)	1	1	01/01/1954	051054000409	Kinh		x
	Nguyễn Thị Nhân	2	2	02/06/1959	051159000282	Kinh		x
	Cao Thị Thu Hương	3	2	20/03/1983	051183001695	Kinh		
	Cao Thành Vĩ	3	1	20/09/2000	051200005430	Kinh		
	Nguyễn Thị Trà Giang	5	2	05/05/2013	051313001213	Kinh		

04	Nguyễn Thị Ngoan (Chủ hộ)	1	2	12/01/1948	051148004813	Kinh		x
	Đình Thị Hiền	3	2	01/06/1989	051189010857	Hrê		x
XIV	Thôn Hà Bôi (số hộ 09, số khẩu 14)							
01	Đình Thị Lại (chủ hộ)	1	2	10/01/1955	051155009140	Hrê		
02	Đình Thị Trãi (chủ hộ)	1	2	05/10/1967	051157003549	Hrê		
03	Đình Thị My(chủ hộ)	1	2	20/03/1957	051157008151	Hrê		
04	Đình Thị Găm(chủ hộ)	1	2	01/01/1940	051148006834	Hrê		
05	Đình Xâm(chủ hộ)	1	1	03/02/1953	051053004204	Hrê		
	Đình Văn Liếp	3	1	03/08/1984	051084006894	Hrê		
06	Đình Nghiêu(chủ hộ)	1	1	05/10/1950	051050007780	Hrê		
	Đình Thị Bảy	2	2	01/01/1961	051161006555	Hrê		
07	Đình In(chủ hộ)	1	1	13/09/1946	051046002301	Hrê		
	Đình Thị Nuôi	2	2	01/12/1948	051148004802	Hrê		
08	Đình Nhon(chủ hộ)	1	1	01/01/1944	051044004431	Hrê		
	Đình Thị Chiêu	2	2	17/09/1946	051146006579	Hrê		
09	Đình Me(chủ hộ)	1	1	01/01/1959	051059005883	Hrê		
	Đình Thị Mơ	2	2	01/01/1960	051160000334	Hrê		
XV	Thôn Hà Liệt (số hộ 07, số khẩu 8)							
01	Đình Thị Lan (Chủ hộ)	1	2	06/09/1955	051155009708	Hrê		
02	Đình Thị Lành (Chủ hộ)	1	2	13/01/1945	051145007178	Hrê		
03	Đình Thép (Chủ hộ)	1	1	08/08/1950	051050007271	Hrê		
04	Đình Thị Thia (Chủ hộ)	1	2	01/01/1961	051161007490	Hrê		
05	Đình Thị Thiết (Chủ hộ)	1	2	06/06/1962	051162007393	Hrê		
06	Đình Thị Long (Chủ hộ)	1	2	06/09/1969	051152006988	Hrê		
07	Đình Thị Tháo (Chủ hộ)	1	2	05/09/1956	051156009144	Hrê		
	Đình Reo	3	1	01/01/1974	051074015524	Hrê		
XVI	Thôn Hà Xuyên (số hộ 19, số khẩu 25)							2
01	Đình Tút (chủ hộ)	1	1	17/9/1952	051052004110	Hre		
	Đình Thị Đối	2	2	09/12/1946	051146003521	Hre		1
02	Đình Thị Bộc	1	2	01/01/1959	051159005270	Hre		
03	Đình Thị Hầy	1	2	06/11/1941	051141005883	Hre		
04	Đình Thị Xanh	1	2	09/11/1949	051149005702	Hre		
05	Đình Thị Bói	1	2	10/10/1984	051186016829	Hre		
	Đình Thị Thụy Linh	3	2	15/6/2010	051310004485	Hre		
06	Đình Thị P Rút	1	2	06/03/1941	051141003659	Hre		
07	Đình Thị Đôn	1	2	19/6/1954	051154008215	Hre		
08	Đình Thị Thời	1	1	01/01/1959	051159008502	Hre		
09	Đình Thị Rã	1	2	01/01/1919	051119002630	Hre		
10	Đình Văn Xiểu	1	1	10/07/1946	051046005348	Hre		
	Đình Thị Trí	2	2	04/03/1954	051154007598	Hre		
11	Đình Thị Trăm	1	2	04/10/1947	051147006668	Hre		
12	Đình Cheo	1	1	20/10/1933	051033004066	Hre		
	Đình Thị Dép	2	2	10/10/1949	051149007226	Hre		1
13	Đình Thị Xêm	1	2	20/4/1941	051141002828	Hre		
	Đình Thị Thân	3	2	29/8/1963	051163008527	Hre		
14	Đình Thị Trúc	1	2	10/09/1953	051153006877	Hre		
15	Đình Thị Vay	1	2	01/01/1946	051146005016	Hre		
16	Đình Thị Trang	1	2	01/12/1965	051165007836	Hre		
17	Đình Phi	1	1	19/8/1940	051040005865	Hre		
	Đình Thị Trua	2	2	01/01/1964	051164007308	Hre		
18	Đình Thị Dúp	1	2	01/01/1952	051152003396	Hre		
19	Đình Thị Bì	1	2	09/06/1955	051155005023	Hre		
B	Danh sách hộ cận nghèo							

I	Thôn Làng Ren (số hộ 0, số khẩu 0)							
II	Thôn Cà Xen (số hộ 01, số khẩu 02)							
01	Đình Văn Ngăn (Chủ hộ)	1	1	01/12/1936	051068012014	Hrê		
	Đình Thị Ngút	2	2	01/01/1969	051169007969	Hrê		
III	Thôn Làng Trê (số hộ 02, số khẩu 05)							02
01	Đình Thị Bời (Chủ hộ)	1	2	18/04/1967	011167013069	Hrê		x
	Đình Văn Bon (Chủ hộ)	1	1	01/01/1960	051060010186	Hrê		x
02	Đình Thị Lom	2	2	01/01/1963	051163006676	Hrê		
	Đình Ghề	5	1	01/01/1973	051073090119	Hrê		
	Đình Văn Hoàng	5	1	07/05/2005	051205011720	Hrê		
IV	Thôn Làng Giữa (số hộ 0, số khẩu 0)							
V	Thôn Gò Nhiều (số hộ 01, số khẩu 03)							
01	Đình Văn Béo	1	1	01/01/1975	051075001545	Hrê		
	Đình Thị Nghiên	3	2	12/03/2007	051307003854	Hrê		
	Đình Thị Ngái	3	2	16/10/2004	051304001150	Hrê		
VI	Thôn An Phương (số hộ 01, số khẩu 04)							
01	Đình Thị Lít (Chủ hộ)	1	2	01/01/1976	051176001756	Hrê		
	Đình Văn Đen	2	1	02/01/1981	051081001393	Hrê		
	Đình Oang	3	1	15/04/2018	051218002795	Hrê		
	Đình Thị Thê	4	2	01/01/1945	51145000420	Hrê		
VII	Thôn Thượng Đố (số hộ 01, số khẩu 02)							
01	Đình Trối (Chủ hộ)	1	1	01/01/1958	051058007576	Hrê		
	Đình Thị Noa	2	2	01/01/1960	051160005163	Hrê		
VIII	Thôn An Thanh (số hộ 01, số khẩu 01)							
01	Đình Thị Múi (Chủ hộ)	1	2	01/12/1936	051136003336	Hrê		
IX	Thôn Đồng Cản (số hộ 02, số khẩu 08)							
01	Đình Thị Beo (Chủ hộ)	1	2	29/03/1993	051193001209	Hrê		
	Đình Văn Suông	2	1	12/10/1991	051091008064	Hrê		
	Đình Phương Mỹ Phương	3	2	13/11/2016	051316006502	Hrê		
	Đình Phương Mỹ My	3	2	10/03/2020	051320003103	Hrê		
02	Đình Văn Bệnh (Chủ hộ)	1	1	15/03/1990	051090012805	Hrê		
	Đình Thị Chung	2	2	01/05/1994	051194011703	Hrê		
	Đình Thị Thư	3	2	13/02/2013	051313007468	Hrê		
	Đình Văn Trường	3	1	02/09/2020	051220004534	Hrê		
X	Thôn Đồng Vang (số hộ 03, số khẩu 09)							
01	Đình Văn Bộ	1	1	06/01/1951	051051005220	Hrê		
02	Đình Văn Hồ	1	1	01/01/1975	051075013740	Hrê		
	Đình Thị Dôn	2	2	01/01/1984	051184016509	Hrê		
	Đình Thị Biên	3	2	05/03/2001	051301005372	Hrê		
03	Đình Văn Bi	1	1	23/03/1964	051064013546	Hrê		
	Đình Thị Rời	2	2	12/01/1979	051179006847	Hrê		
	Đình Thị Trui	5	2	05/05/2005	051350000944	Hrê		
	Đình Công Suốt	3	1	02/04/1995	051095010688	Hrê		
	Đình Thị Lan Phương	5	2	14/12/2023	051323004513	Hrê		
IX	Thôn 1 (5 hộ, 25 nhân khẩu)							3
01	Trần Thị Hốp (Chủ hộ)	1	2	01/01/1947	051147006093	Kinh		x

02	Trần Tuấn (Chủ hộ)	1	1	10/02/1946	051046000142	Kinh		
	Bùi Thị Xuân	2	2	06/08/1954	051154000433	Kinh		
	Trần Thị Chín	3	2	26/04/1994	051192007203	Kinh		
	Nguyễn Đức Linh	5	1	20/03/2015	051215009397	Kinh		
	Nguyễn Thị Hạ Nhi	5	2	04/6/2019	051319004236	Kinh		
03	Trần Quốc Toàn (Chủ hộ)	1	1	14/12/1990	051090018872	Kinh		
	Trần Nguyễn Phương Thuỳ	3	2	29/8/2011	051311007347	Kinh		
	Trần Nguyễn Phương Thi	3	2	23/6/2014	051314013796	Kinh		
04	Nguyễn Hồng (Chủ hộ)	1	1	20/10/1951	051051000204	Kinh		x
	Trần Thị Lý	2	2	10/10/1950	051150000282	Kinh		x
05	Bùi Kinh (Chủ hộ)	1	1	21/10/1959	051059006131	Kinh		
	Phan Thị Thu	2	2	01/01/1963	511463010260	Kinh		
	Bùi Thị Thôi	3	2	01/01/1990	051090007718	Kinh		
	Bùi Nguyễn Phi Hiếu	5	1	21/5/2013	051213012601	Kinh		
	Bùi Lê Gia Bảo	5	1	27/5/2009	051209001565	Kinh		
	Bùi Nhân Tuệ Nghi	5	2	10/12/2017	051317013106	Kinh		
	Nguyễn Thị Kim Tuyết	3	2	20/10/1983	051183013701	Kinh		
	Bùi Nguyễn Phương Triều	5	1	28/4/2011	051311001298	Kinh		
	Bùi Thanh Trung	5	1	25/5/2004	051204012860	Kinh		
	Bùi Thị Kiều Bằng	5	2	04/02/205	051305008464	Kinh		
	Bùi Thanh Trọng	5	1	29/9/1979	051079013296	Kinh		
	Bùi Thanh Tiền	3	1	08/03/1983	051083011462	Kinh		
	Đỗ Hoàng Khải	5	1	04/7/2016	051216014214	Kinh		
	Bùi Thị Lắm	3	2	11/11/1992	051192005362	Kinh		
X	Thôn 2 (số hộ 04, số khẩu 17)							
01	Trần Thị Diệp (Chủ hộ)	1	2	08/03/1957	051157008105	Kinh		
	Trần Công Đoan	3	1	20/11/1992	051092011861	Kinh		
	Đặng Thị Hồng Nhung	5	2	27/04/1997	051197003058	Kinh		
	Trần Thị Mỹ Dự	3	2	27/04/1980	051180008663	Kinh		
	Trần Đặng Gia Hân	5	1	07/03/2016	051316012760	Kinh		
	Trần Đặng Minh Triết	5	1	08/08/2018	051218006850	Kinh		
	Trần Đặng Phúc Khang	5	1	16/03/2023	051223001565	Kinh		
02	Nguyễn Thị Mỹ (Chủ hộ)	1	2	01/01/1945	051148006776	Kinh		
	Nguyễn Hải Âu	5	1			Kinh		
03	Lê Thị Cánh (Chủ hộ)	1	2	01/01/1948	051148000586	Kinh		
	Lê Anh Tuấn	5	1	02/02/1995		Kinh		
	Lê Thành Trung	3	1	10/04/1980	051080012000	Kinh		
	Nguyễn Lê Huy Quốc	5	1	11/112004	051209012860	Kinh		
04	Trần Minh Xuân (Chủ hộ)	1	1	20/01/1946	051044002110	Kinh		
	Trần Thị Thu	2	2	01/12/1950	051150006712	Kinh		
	Trần Thị Minh Lờ	3	2	20/10/1983	051153008244	Kinh		
	Ngô Thế Bảo	5	1	09/12/2006	051206008497	Kinh		
XI	Thôn 3 (số hộ 07, số khẩu 21)							07
01	Huỳnh Thị Liên (Chủ hộ)	1	2	01/01/1949	051149005762	Kinh		x
	Lê Kiều Vy	5	2	13/01/2007	051307004625	Kinh		
	Lê Kiều My	5	2	07/09/2009	051309001726	Kinh		
	Lê Hoàng Khang	5	1	10/01/2009	051209000264	Kinh		
02	Nguyễn Thị Năm (Chủ hộ)	1	2	01/01/1956	051156008682	Kinh		x
03	Nguyễn Thị Thanh (Chủ hộ)	1	2	20/03/1956	051156000362	Kinh		x
	Trần Thị Lai	3	2	01/01/1977	051177000781	Kinh		
	Cao Trần Dũng	5	1	16/08/1996	051096004847	Kinh		
	Cao Trần Duy	5	1	22/01/2005	051205006022	Kinh		
	Cao Tấn Tài	5	1	16/08/2007	051207016693	Kinh		
04	Cao Thanh Vân (Chủ hộ)	1	1	03/10/1953	051053000722	Kinh		x
	Nguyễn Thị Tình	2	2	28/12/1953	051153003395	Kinh		

[illegible]

soát 2025

Ghi chú
10
20
08

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

08
04
02

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẬN NGHÈO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo
rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

Năm rà

TT	Họ và tên Chủ hộ và thành viên hộ	Quản hệ chủ hộ	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh
A	Danh sách hộ thoát nghèo			
I	Thôn Làng Ren (số hộ 13, số khẩu 43)			13
01	Đinh Văn Út (Chủ hộ)	1	1	18/06/1984
	Đinh Văn Lê	2	2	01/01/1985
	Đinh Thị Thơ	3	2	11/10/2005
	Đinh Tấn Dũng	3	1	10/12/2013
	Đinh Thị Tuyết Nhung	5	2	04/12/2022
02	Phạm Văn Giéo (Chủ hộ)	1	1	15/05/1980
	Đinh Thị Ôn	2	2	01/01/1985
	Phạm Đình Khánh	3	1	01/09/2020
03	Đinh Văn Hanh (Chủ hộ)	1	1	09/02/1992
	Đinh Thị Ly	2	2	01/01/1991
	Đinh Thị Nhu	3	2	07/11/2011
	Đinh Minh Nhưong	3	1	08/04/2021
04	Đinh Văn Tiêu (Chủ hộ)	1	1	22/03/1995
	Phạm Thi Em	2	2	01/01/1992
	Đinh Thị Thúy Kiều	3	2	15/4/2017
05	Đinh Văn Sức (Chủ hộ)	1	1	19/02/1994
	Đinh Thị Thịnh	2	2	23/06/1997
	Đinh Thị Tú	3	2	03/04//2014
06	Đinh Văn Gành (Chủ hộ)	1	1	06/12/1996
	Đinh Thị Xâm	2	2	19/05/1997
	Đinh Thị Thanh Diệu	3	2	21/04/2017
	Đinh Thị Thanh Diêm	3	2	30/07/2019
07	Đinh Văn Cuồng (Chủ hộ)	1	1	20/08/1997
	Đinh Thị Hảo	2	2	20/11/1999
	Đinh Thị Thuyền Kim	3	2	01/08/2016
08	Đinh Văn Cỏa (Chủ hộ)	1	1	02/05/1985
	Đinh Thị Oi	2	2	05/06/1992
	Đinh Văn Dia	3	1	11/08/2013
	Đinh Văn Dinh	3	1	15/05/2010
09	Đinh Văn Hùng (Chủ hộ)	1	1	20/04/1995
	Đinh Thị Hạo	2	2	20/11/1992
	Đinh Thị Thanh Thảo	3	2	13/05/2016
10	Đinh Văn Lúi (Chủ hộ)	1	1	01/02/1996
11	Đinh Thị Ó (Chủ hộ)	1	2	06/12/1996
	Đinh Thị Thảo Phương	2	2	02/02/2013
	Đinh Thanh Phong	2	1	13/10/2020

12	Đinh Văn Lê (Chủ hộ)	1	1	01/01/1980
	Đinh Thị Hối	2	2	01/01/1981
	Đinh Quang Huy	3	1	10/02/2014
13	Đinh Văn Thanh (Chủ hộ)	1	1	07/12/1997
	Đinh Thị Phụng	2	2	07/12/2002
	Đinh Duy Toàn	3	1	12/07/2018
	Đinh Duy Tân	3	1	09/08/2021
II	<i>Thôn Cà Xen</i> <i>(số hộ 25, số khẩu 103)</i>			25
01	Đinh Ấy (Chủ hộ)	1	1	19/10/1976
	Đinh Thị Rúa	2	2	20/07/1978
	Đinh Thị Sơn	3	2	04/10/2000
	Đinh Văn Sinh	3	1	27/03/2004
	Đinh Thị Sang	3	2	26/07/2007
	Đinh Thị Sân	3	2	02/08/2017
	Đinh Minh Vương	5	1	01/07/2016
	Đinh Minh Vành	3	1	21/01/2022
	Đinh Thị Hồng Vỹ	5	2	14/11/2019
02	Đinh Văn Rới (Chủ hộ)	1	1	06/03/1990
	Đinh Thị Khéo	2	2	14/02/1996
	Đinh Hồng Sơn	3	1	23/05/2017
	Đinh Thị Hồng Sim	3	2	13/03/2022
03	Đinh Văn Hư (Chủ hộ)	1	1	15/04/1994
04	Đinh Thị Vức (Chủ hộ)	1	1	01/01/1960
	Đinh Thị Út	5	2	01/01/1983
	Đinh Văn Mon	3	1	24/12/1988
	Đinh Trung Hiếu	5	1	01/01/2022
	Đinh Minh Hùng	5	1	25/06/2014
05	Đinh Văn Đoan (Chủ hộ)	1	1	04/09/1997
	Đinh Thị Chung	2	2	26/03/1997
	Đinh Tiến Hoàng	3	1	22/11/2016
	Đinh Đức Hiệp	3	1	15/10/2022
06	Đinh Văn Xu (Chủ hộ)	1	1	14/08/1997
	Đinh Thị Chăm	2	2	02/02/1998
	Đinh Minh Thái	3	1	30/12/2018
	Đinh Thái Sinh	3	1	24/10/2015
07	Đinh Thị Khi (Chủ hộ)	1	2	01/01/1977
	Đinh Thị Hệ	5	2	05/06/2003
	Đinh Phúc An	5	1	27/07/2021
	Đinh Văn Nha	3	1	10/12/1999
08	Đinh Thị Ngít (Chủ hộ)	1	2	12/01/1982
	Đinh Ta Hoanh	3	1	12/01/1995
	Đinh Thị Chu	3	2	07/06/2008
	Đinh Văn Huê	3	1	01/01/2010
	Đinh Văn Long (Chủ hộ)	1	1	01/01/1981
	Đinh Thị Lỗi	2	2	06/02/1984

09	Đinh Văn Phúc	3	1	24/12/2012
	Đinh Thị Tím	3	2	20/06/2004
	Đinh Văn Hồng	3	1	29/10/2007
	Đinh Lâm Bảo An	5	1	17/11/2022
10	Đinh Văn Xiết (Chủ hộ)	1	1	20/08/1999
	Đinh Thị Siết	2	2	09/04/1997
	Đinh Thị Bích Phương	3	2	29/12/2016
	Đinh Thị Bích Nhi	3	2	17/09/2020
11	Đinh Thị Nguyên (Chủ hộ)	1	2	25/09/1982
	Đinh Thị Lắc	5	2	12/01/1943
	Đinh Văn Danh	3	1	06/07/2004
12	Đinh Thị Khô (Chủ hộ)	1	2	08/06/1979
	Đinh Văn Một	3	1	15/08/2000
	Đinh Văn Mê	3	1	03/02/2003
13	Đinh Văn Kịch (Chủ hộ)	1	1	05/05/1995
	Đinh Thị Thuyền	2	2	26/07/1999
	Đinh Hoàng Gia Quảng	3	1	24/11/2021
	Đinh Thị Quyên	3	2	20/10/2014
14	Đinh Văn Cư (Chủ hộ)	1	1	20/12/1997
	Đinh Thị U	2	2	15/12/2019
	Đinh Y Tiền	3	2	09/10/2019
	Đinh Thị Nhã Kỳ	3	2	09/09/2021
15	Đinh Văn Nga (Chủ hộ)	1	1	08/10/1986
	Đinh Thị Bua	2	2	20/11/1981
	Đinh Văn Đăng	3	2	01/01/2008
	Đinh Văn Dỷ	3	2	05/01/2006
	Đinh Văn Huy	3	2	16/06/2012
	Đinh Văn Khang	3	2	14/06/2013
16	Đinh Văn Lên (Chủ hộ)	1	1	21/04/1977
	Đinh Thị Xăm	2	2	23/06/1977
17	Đinh Thị Long (Chủ hộ)	1	2	18/10/1980
	Đinh Thị Hoa	3	2	16/02/2002
	Đinh Thị Mười	3	2	20/10/2021
	Đinh Ngọc Hương Lan	5	2	14/10/2022
	Đinh Thị Yến Vân	5	2	30/12/2012
18	Đinh Văn Trát	1	1	01/01/1967
	Đinh Thị Đin	2	2	10/10/1960
	Đinh Văn Su	3	1	08/10/1996
	Đinh Thị Sớ	5	2	28/04/2000
	Đinh Sỹ Quân	5	1	22/05/2017
	Đinh Thị Diễm Quỳnh	5	2	16/04/2019
19	Đinh Thị Đi (Chủ hộ)	1	2	04/12/1954
20	Đinh Văn Hiên (Chủ hộ)	1	1	05/10/1994
	Đinh Thị Thúy	2	2	04/03/1998
	Đinh Thị Nữ Vi	3	2	29/03/2013
	Đinh Minh Vương	3	1	15/02/2016
	Đinh Minh Vũ	3	1	13/08/2018

21	Đinh Thị Pro (Chủ hộ)	1	2	04/02/1977
	Đinh Văn Siêng	3	1	02/10/1999
	Đinh Văn Xin	3	1	01/11/2009
22	Đinh Thị Tia (Chủ hộ)	1	2	13/07/1982
	Đinh Trọng Chung	3	1	13/02/2012
	Đinh Trọng Chang	3	1	06/04/2009
23	Đinh Thị Nhin (Chủ hộ)	1	2	24/04/1964
	Đinh Văn Trêo	2	1	01/01/1960
24	Đinh Văn Hao (Chủ hộ)	1	1	17/04/1995
	Đinh Thị Sơn	2	2	01/02/1997
	Đinh Minh Hợi	3	1	13/12/2016
25	Đinh Thị Lộc (Chủ hộ)	1	2	13/08/1984
	Đinh Văn Ly	2	1	01/01/1976
	Đinh Văn Hủy	3	1	15/04/2009
	Đinh Thị Sỹ	3	2	18/05/2008
	Đinh Thị Huyền	5	2	18/04/2021
	Đinh Văn Hương	5	1	16/11/2018
	Đinh Văn Sanh	3	1	02/11/2002
	Đinh Thị Hồng	3	2	18/05/2004
III	<i>Thôn Làng Trê (số hộ 33, số khẩu 117)</i>			33
01	Đinh Văn Nhanh	1	1	27/1/1983
	Đinh Thị Thiêu	2	2	05/06/1991
	Đinh Thị Thảo Nguyên	3	2	02/10/2010
02	Đinh Trua	1	1	01/01/1960
	Đinh Thị Len	2	2	01/01/1960
	Đinh Thị Bảy	3	2	08/9/1989
	Phạm Văn Đường	5	1	18/5/1990
	Đinh Thị Ny	5	2	15/7/2009
	Đinh Thị Vy	5	2	21/3/2012
03	Đinh Thị Bảy	1	2	10/06/1980
	Đinh Văn Tân	2	1	01/01/1988
	Đinh Văn Hóa	3	1	06/10/2013
04	Đinh Văn Khái	1	1	09/05/1989
	Đinh Thị Dương	2	2	24/2/1990
	Đinh Minh Kiên	3	1	19/5/2008
	Đinh Thị Tình	3	2	15/02/2011
	Đinh Minh Sinh	3	1	29/01/2020
	Đinh Minh Sáng	3	1	26/6/2017
05	Đinh Thị Hạnh	1	2	12/01/1983
	Đinh Văn Hôn	5	1	16/2/1986
	Đinh Thị Biên	3	2	16/6/2006
	Đinh Viện Thanh Truyền	3	1	14/8/215
06	Đinh Thị Ngon	1	2	08/08/1982
	Đinh Thị Tuệ	3	2	02/03/2007
	Đinh Minh Viện	3	1	14/7/2020

07	Đinh Văn Yên	1	1	12/01/1988
	Đinh Thị Bồi	2	2	20/6/1986
	Đinh Thị Chu	3	2	27/11/2007
08	Đinh Văn Tria	1	1	05/06/1994
	Đinh Thị Séo	2	2	05/10/1998
	Đinh Minh Phương	3	1	20/6/2016
	Đinh Thị Mỹ Phụng	3	2	23/6/2023
09	Đinh Vũ	1	1	16/10/1981
	Đinh Thị Đặt	2	2	15/07/1984
	Đinh Văn Nguyệt	3	1	20/5/2006
10	Đinh Văn Ngóp	1	1	01/01/1979
	Đinh Thị Hốt	2	2	03/02/1980
	Đinh Văn Chi	3	1	02/03/2004
	Đinh Văn Trí	3	1	17/3/2006
11	Đinh Văn Xa	1	1	15/15/1985
	Đinh Thị Lịch	2	2	01/01/1997
	Đinh Thị Hồng Vân	3	2	17/6/2018
12	Đinh Thị Lăm	1	2	12/01/1962
	Đinh Thị Lệ Nguyên	5	2	22/10/2012
13	Đinh Văn Thị	1	1	01/01/1962
	Đinh Thị Ru	2	2	05/10/1962
	Đinh Văn Toàn	5	1	06/05/2007
14	Đinh Văn Thành	1	1	19/10/1987
	Đinh Thị Biệt	2	2	09/10/1988
	Đinh Thị Thúy Ngân	3	2	10/10/2006
	Đinh Thị Nghĩa	3	2	03/12/2013
15	Đinh Hải Đen	1	1	08/09/1987
	Đinh Thị Trang	2	2	12/10/1986
	Đinh Hải Hoàng	3	1	23/5/2017
16	Đinh Văn Rồ	1	1	15/10/1986
	Đinh Thị Lý	2	2	01/01/1987
	Đinh Văn Bốn	3	1	12/09/2006
	Đinh Thị Quyên	3	2	17/3/2008
17	Đinh Văn Linh	1	1	15/3/1999
	Đinh Thị Khiêng	2	2	10/01/1998
	Đinh Thị Yến Hồng	3	2	21/02/2016
	Đinh Việt Hưng	3	1	15/05/2019
18	Đinh Văn Thái	1	1	04/10/1977
	Đinh Thị Lam	2	2	01/01/1978
	Đinh Đồng Giang	3	1	03/10/2005
	Đinh Thị Xó	4	2	01/09/1941
19	Đinh Tuấn Đạt	1	1	12/12/1996
	Phạm Thị Bi	2	2	03/02/1996
	Đinh Thị Viện Nhi	3	2	29/3/2014
	Đinh Thị Nhi Viện	3	2	22/7/2016
20	Đinh Văn Đề	1	1	07/11/1996
	Đinh Thị Vi	2	2	28/4/2002

20	Đinh Thị Y Săng	3	2	09/10/2019
	Đinh Thị Li Sa	3	2	28/6/2022
21	Đinh Văn Quang	1	1	28/01/1993
	Đinh Văn Diên	2	2	05/01/1999
	Đinh Văn Phú	3	1	08/11/2019
22	Đinh Thị Nga	1	2	10/05/1977
	Đinh Thị Thang	4	2	12/05/1949
23	Đinh Văn Đăng	1	1	12/11/1997
	Đinh Thị Kim Khanh	3	2	26/7/2016
	Đinh Thị Kim Kha	3	2	07/09/2018
24	Đinh Văn Rang	1	1	20/7/1988
	Đinh Thị Tình	2	2	09/12/1988
	Đinh Thị Tố Nữ	3	2	21/10/2006
	Đinh Thị Thúy Vân	3	2	20/10/2011
25	Đinh Văn Hiền	1	1	16/7/1983
	Đinh Thị Thăm	2	2	03/12/1984
	Đinh Văn Bảo	3	1	05/06/2004
26	Đinh Văn Hội	1	1	04/02/1988
	Đinh Thị Lúi	2	2	03/02/1992
	Đinh Văn Quân	3	1	12/10/2007
	Đinh Thị Mi Du	3	2	08/01/2016
27	Đinh Công Tuấn	1	1	05/05/1995
	Đinh Thị My	2	2	
	Đinh Công Thắng	3	1	24/11/2015
28	Đinh Văn Ngheo	1	1	07/10/1976
	Đinh Thị Ngoan	2	2	19/01/1983
	Đinh Văn Ý	3	1	03/01/2000
	Đinh Thị Yến	3	2	19/3/2007
29	Đinh Văn Ênh	1	1	05/10/1988
	Đinh Thị Dung	2	2	10/06/1992
	Đinh Thủy Tuyên	3	2	31/12/2010
30	Đinh Văn Dồ	1	1	01/11/1981
	Đinh Thị Manh	2	2	01/01/1982
	Đinh Văn Phong	3	1	22/5/2008
31	Đinh Ka Mua	1	1	10/10/1972
	Đinh Thị Bôn	2	2	11/10/1979
	Đinh Văn Sô	3	1	28/8/1996
	Đinh Vĩnh Chăm	3	1	24/12/2013
32	Đinh Văn Ngây	1	1	01/01/1983
	Đinh Thị Rìn	2	2	05/03/1982
	Đinh Thị Sâm	3	2	26/10/2007
33	Đinh Văn Khéo	1	1	07/03/1848
	Đinh Thị Thảo	2	2	16/03/1982
	Đinh Văn Quỳnh	3	1	14/9/2008
	Đinh Trí Ân	3	1	11/01/2013

IV	<i>Thôn Làng Giữa (số hộ 13, số khẩu 40)</i>			13
01	Đinh Văn Hối (Chủ hộ)	1	1	07/04/1988
	Đinh Văn Đui		1	01/01/1988
02	Đinh Văn Lý (Chủ hộ)	1	1	05/02/1988
	Đinh Thị Anh	2	2	15/10/1994
	Đinh Thị Thảo Tru	3	2	14/12/2015
03	Đinh Thị Óach (Chủ hộ)	1	2	06/06/1984
	Đinh Thị Thoang	3	2	22/02/2005
04	Đinh Thị Khó (Chủ hộ)	1	2	10/12/1987
	Đinh Văn Niên	2	1	01/01/1986
	Đinh Văn Thông	3	1	08/08/2013
	Đinh Văn Thị	3	1	06/07/2006
	Đinh Thị Thúy	3	2	15/09/2008
	Đinh Hoàng Thiên	3	2	16/10/2010
05	Đinh Văn Vinh (B) (Chủ hộ)	1	1	28/07/1984
	Đinh Thị Quý	2	2	20/01/1985
	Phạm Đình	3	1	24/01/2003
	Phạm Đậu	3	1	27/01/2007
06	Đinh Văn Ly (Chủ hộ)	1	1	06/11/1989
	Đinh Thị Mười	2	2	08/05/2002
	Đinh Thị Minh Thuyên	3	3	16/06/2009
07	Đinh Thị Bon (Chủ hộ)	1	2	01/12/1959
	Đinh Thị Oanh	3	2	12/02/1993
08	Đinh Văn Hình (Chủ hộ)	1	1	20/05/1996
	Đinh Thị Thành	2	2	06/03/2000
	Đinh Thanh Hoàng	3	1	09/09/2016
09	Đinh Đốp (Chủ hộ)	1	1	01/01/1998
	Đinh Thị Hân	2	2	30/03/1998
	Đinh Thị Phượng Vi	3	2	11/02/2014
	Đinh Hà Đức	3	1	19/10/2019
10	Đinh Thị Lá (Chủ hộ)	1	2	16/07/1977
	Đinh Thị Nghĩa	3	2	05/05/2001
11	Đinh Văn Thô (Chủ hộ)	1	1	06/05/1988
	Đinh Thị Theo	2	2	16/06/1996
	Đinh Văn Minh	3	1	02/08/2012
	Đinh Duy Mạnh	3	1	06/12/2015
12	Đinh Văn Hôn (Chủ hộ)	1	1	02/06/1992
	Đinh Thị Thu	2	2	06/02/1994
	Đinh Thị Thu Diễm	3	2	26/01/2013
13	Đinh Văn Lin (chủ hộ)	1	1	02/10/1993
	Đinh Thị Hồng	2	2	15/10/1997
V	<i>Thôn Gò Nhiều (số hộ 08, số khẩu)</i>			09
01	Đinh Thị Nẫu (Chủ hộ)	1	2	31/12/1957
	Đinh Thị Xa	3	2	21/02/2007

	Đinh Thị Mai Thu	5	2	02/02/2025
02	Đinh Thị Dút (Chủ hộ)	1	2	01/01/1961
	Hồ Văn Chuyển	5	1	03/04/2008
03	Đinh Thị Mưa (Chủ hộ)	1	2	10/04/1977
	Đinh Thị Hoa	2	2	17/01/2013
04	Đinh Văn Xom (Chủ hộ)	1	1	01/01/1974
	Đinh Thị Thanh	2	2	05/07/1977
05	Đinh Thị Dày (Chủ hộ)	1	2	01/01/1965
	Đinh Thị Phương Trinh	5	2	20/09/2009
06	Đinh Thị Kẽ (Chủ hộ)	1	2	09/09/1960
	Đinh Thị Trong	3	2	15/02/2008
	Đinh Văn Nhân	3	1	14/03/2008
07	Đinh Thị Lố (Chủ Hộ)	1	2	01/01/1964
	Đinh Thị Long	3	2	10/10/1986
	Đinh Văn Hồng	5	1	11/12/2004
08	Đinh Văn Tim (Chủ hộ)	1	2	02/01/1943
	Đinh Văn Biều	5	1	03/08/2008
09	Đinh Văn Cói (Chủ hộ)	1	1	01/01/1966
VI	<i>Thôn An Phương (số hộ 07, số khẩu 20)</i>			07
01	Đinh Qua (Chủ hộ)	1	1	13/04/1980
	Đinh Thị Trôm	2	2	10/01/1983
	Đinh Văn Sứ	3	2	08/01/2006
02	Đinh Thị Tầm (Chủ hộ)	1	2	10/10/1980
03	Đinh Văn An (Chủ hộ)	1	1	06/05/1987
04	Đinh Thị Bí (Chủ hộ)	1	2	01/01/1970
	Đinh Văn Ni	5	1	06/03/1999
	Đinh Thị Sấm	3	2	12/04/2004
	Đinh Thị Sun	4	2	11/04/2021
	Đinh Thị Sơ	4	2	11/04/2021
	Đinh Văn Úi	2	1	01/01/1974
05	Đinh Thị Lễ (Chủ hộ)	1	2	01/01/1967
	Đinh Văn Vân	4	1	01/01/2004
06	Đinh Thị Reo	1	2	03/02/1965
	Đinh Văn Thanh (Chủ hộ)	3	1	14/02/1991
	Đinh Dỗ	2	1	01/01/1965
07	Đinh Dương (Chủ hộ)	1	1	01/01/1983
	Đinh Thị Kẽ	2	2	01/04/1984
	Đinh Thị Thương	3	2	14/09/2005
	Đinh Thị Thành	3	2	19/12/2011
VII	<i>Thôn Thượng Đổ (số hộ 08, số khẩu 38)</i>			08
01	Đinh Văn Nghi	1	1	02/12/1984
	Phạm Thị Lạc	2	2	01/01/1981
	Đinh Thị Tiết	3	2	04/8/2009
	Đinh Văn Huyện	3	1	21/01/2017

02	Đinh Thị Lêu (Chủ hộ)	1	2	01/12/1941
	Đinh Văn Ước	3	1	05/6/1986
03	Đinh Thị Thê (Chủ hộ)	1	2	01/12/1985
	Đinh Mạnh Trinh	3	1	18/5/2006
	Đinh Thị Ngọc Trang	3	2	16/9/2011
04	Đinh Văn Liễu (Chủ hộ)	1	1	10/02/1961
	Đinh Thị Banh	2	2	19/9/1961
	Đinh Văn Thùng	3	1	1992
	Đinh Thị Thúy	3	2	03/02/1996
	Nguyễn Tuấn Kiệt	3	1	01/01/1999
	Đinh Minh Thiên	5	1	29/10/2014
	Đinh Thị Thảo Nguyên	5	2	07/01/2018
	Nguyễn Đình Tấn Phát	5	1	13/8/2022
	Nguyễn Đình Tấn Huy	5	1	2025
05	Đinh Dầu (Chủ hộ)	1	1	01/01/1969
	Đinh Thị Mướp	2	2	01/12/1974
	Đinh Thị Iếp	4	2	01/01/1926
	Đinh Thị Chín	3	2	05/11/1992
	Đinh Văn Hê	3	1	27/3/1995
06	Đinh Thị Ôm (Chủ hộ)	1	2	01/01/1981
	Đinh Văn Siêu	3	1	20/5/1998
	Đinh Thị Thúy	3	2	02/5/1999
	Đinh Thị Thanh	3	2	06/9/2024
	Đinh Thị Ánh Huệ	5	2	03/12/2017
	Đinh Thị Ánh Thư	5	2	28/01/2024
	Đinh Chi Dân	5	1	17/5/2022
07	Đinh Trinh (Chủ hộ)	1	1	01/01/1959
	Đinh Thị Ê	2	2	01/01/1962
	Đinh Hữu Việt Hưng	5	1	08/02/2012
08	Đinh Văn Côm (Chủ hộ)	1	1	01/01/1978
	Đinh Thị Bé	2	2	01/01/1979
	Đinh Thị Thỏa	3	2	20/6/2004
	Đinh Trịnh Khải Hào	5	1	07/8/2023
VIII	Thôn An Thanh (số hộ 10, số khẩu 26)			10
01	Đinh Phú (Chủ hộ)	1	1	26/11/1961
	Đinh Thị Keng	2	2	04/10/1960
02	Phạm Văn Bé (Chủ hộ)	1	1	20/07/1972
	Đinh Thị Cói	2	2	01/01/1977
	Phạm Thị Sa	3	2	07/01/2013
03	Đinh Thị Thúy (Chủ hộ)	1	2	01/01/1998
	Phạm Văn Ênh	2	1	10/06/1997
	Đinh Thị Kim Ngân	3	2	01/01/2015
	Đinh Thanh Vân	3	1	04/12/2017
04	Đinh Thị Tiêu (Chủ hộ)	1	2	15/08/1989
	Đinh Văn Bôi	3	1	20/01/2005

	Đinh Văn Bi	3	1	23/10/2011
05	Tôn Nghĩa (Chủ hộ)	1	1	23/04/1964
	Trương Thị Lan	2	2	19/06/1966
	Tôn Bốn	3	1	15/12/1994
	Tôn Năm	3	1	29/11/1997
06	Đinh Công Vô (Chủ hộ)	1	1	02/09/1961
	Đinh Thị Dỏ	2	2	15/06/1958
07	Đinh Văn Triệu (Chủ hộ)	1	1	09/09/1960
	Đinh Thị Rin	2	2	01/01/1962
08	Đinh Thị Bồi (Chủ hộ)	1	1	01/01/1970
	Đinh Văn Nuôn	3	2	07/06/1996
09	Đinh Văn Iếp (Chủ hộ)	1	1	01/01/1946
	Đinh Thị Mưa	2	2	01/01/1958
10	Đinh Thị Âm (Chủ hộ)	1	2	01/01/1953
IX	<i>Thôn Đồng Càn (số hộ 11, số khẩu 31)</i>			11
01	Đinh Thị Thui (Chủ hộ)	1	2	01/01/1981
	Đinh Thị Bé	3	1	15/02/2003
	Đinh Minh Xung	3	2	10/02/2014
02	Đinh Thị Tấy (Chủ hộ)	1	2	01/05/1983
	Đinh Văn Tranh	2	1	05/06/1984
	Đinh Thị Hà Muôn	3	2	20/01/2009
	Đinh Thị Mỹ Hào	3	2	06/05/2017
03	Võ Thị Thúy Ra (Chủ hộ)	1	2	08/12/1995
	Trần Võ Thanh Vy	3	2	01/01/2016
	Võ Hoàng Thế Vũ	3	1	11/11/2022
04	Đinh Văn Súc (Chủ hộ)	1	1	09/05/1996
	Đinh Thị Hiêu	2	2	04/03/1998
	Đinh Thị Huyền	3	2	02/01/2016
	Đinh Thị An	3	2	12/04/2025
05	Nguyễn Thị Tường (Chủ hộ)	1	2	18/05/1954
	Nguyễn Đức Tài	5	1	03/11/2009
	Võ Tấn Đoan	5	1	27/09/2012
06	Đinh Văn Phù (Chủ hộ)	1	1	01/01/1991
	Đinh Thị Á	2	2	01/01/1996
	Đinh Thị Quỳnh Như	3	2	16/11/2014
	Đinh Thị Mỹ Tâm	3	2	09/11/2017
07	Nguyễn Thị Thành (Chủ hộ)	1	2	23/06/1947
08	Đinh Thị Khây (Chủ hộ)	1	2	01/01/1971
	Đinh Nhật Phong	5	1	06/06/2010
09	Đinh Văn Chôm (Chủ hộ)	1	1	01/12/1945
	Đinh Thị Tro	2	2	01/01/1962
	Đinh Trung Hạnh	5	1	05/04/2004
10	Đinh Văn Nga (Chủ hộ)	1	1	01/01/1974
11	Đinh Thị Phin (Chủ hộ)	1	2	01/01/1975
	Đinh Thị Điều	2	2	01/01/1997

	Đinh Thị Chi	5	2	15/05/2016
X	<i>Thôn Đồng Vang</i> <i>(số hộ 10, số khẩu 19)</i>			10
01	Đinh Thị Rân (Đinh Tê) (Chủ hộ)	1	2	01/01/1964
02	Đinh Thị Khoảnh (Chủ hộ)	1	2	12/01/1950
03	Đinh Thị Váy (Chủ hộ)	1	2	01/01/1959
	Đinh Thị Phí	2	2	30/03/1993
	Đinh Ngọc Thiên	5	1	24/05/2009
	Hoàng Ngọc Tiểu Long	5	1	21/07/2015
04	Đinh Thị Vấp (Chủ hộ)	1	2	01/01/1958
	Đinh Văn Sơn	2	1	01/01/1992
05	Đinh Văn Trỗi (Chủ hộ)	1	1	01/01/1990
	Đinh Thị Thiên	3	2	15/08/2010
06	Đinh Văn Diệp (Chủ hộ)	1	1	01/01/1990
	Đinh Thị Doan	2	2	01/01/1989
	Đinh Văn Thị	3	1	02/09/2012
07	Đinh Thị Bay (Chủ hộ)	1	2	01/01/1964
08	Đinh Mười (Chết) (Chủ hộ)	1	2	
09	Đinh Thị Tranh (Chủ hộ)	1	2	09/02/1992
	Đinh Thị Gia Hân	3	2	21/06/2014
	Đinh Thị Thanh Trúc	3	2	01/02/2016
10	Đinh Thị Xây (Chủ hộ)	1	2	10/12/1959
XI	<i>Thôn 1</i> <i>(số hộ, số khẩu)</i>			06
01	<i>Lê Văn Phụng</i>	1	1	01/10/1944
02	<i>Bùi Thị Nhi</i>	1	2	05/05/1948
	<i>Trần Phương Minh</i>	3	1	27/01/1987
XII	<i>Thôn 2</i> <i>(số hộ 0, số khẩu 0)</i>			
XIII	<i>Thôn 3</i> <i>(số hộ 01, số khẩu 02)</i>			01
01	Nguyễn Thành Nghê (Chủ hộ)	1	1	18/04/1948
	Lê Thị Chung	2	2	12/01/1951
XIV	<i>Thôn Hà Liệt</i> <i>(số hộ 08, số khẩu 08)</i>			08
01	Đinh Thị Hô (Chủ hộ)	1	2	12/06/1936
02	Đinh Thị Chiên (Chủ hộ)	1	2	03/06/1943
03	Đinh Hoáy (Chủ hộ)	1	1	02/01/1940
04	Đinh Thị Nghiêu (Chủ hộ)	1	2	03/01/1940
05	Đinh Thị Thôi (Chủ hộ)	1	2	02/03/1948
06	Đinh Thị Lép (Chủ hộ)	1	2	01/12/1950
07	Đinh Thị Nhái (Chủ hộ)	1	2	03/05/1940
08	Đinh Thị Nhiều (Chủ hộ)	1	2	01/02/1956
XV	<i>Thôn Hà Bôi</i> <i>(số hộ 07, số khẩu 14)</i>			07
01	Đinh Nang (Chủ hộ)	1	1	01/01/1946

01	Đinh Thị Troi	2	2	01/05/1961
02	Đinh Thị Ría (Chủ hộ)	1	2	12/03/1983
	Đinh Vê	2	1	07/03/2009
03	Đinh Thị Théo (Chủ hộ)	1	2	01/01/1965
04	Đinh Thị Vô (Chủ hộ)	1	2	01/01/1967
	Đinh Văn Hà	3	1	14/04/2000
05	Đinh Gợi (Chủ hộ)	1	1	01/01/1985
	Đinh Thị Rú	2	2	01/01/1989
	Đinh Thao	3	1	10/12/2010
	Đinh Thanh Ngân	3	1	11/01/2015
06	Đinh Thị Răng (Chủ hộ)	1	2	01/01/1949
	Đinh Nghị	2	1	01/01/2950
07	Đinh Thị Thương (Chủ hộ)	1	2	09/08/1949
XII	Thôn Hà Xuyên (số hộ 05, số khẩu 16)			05
01	Đinh Thị Nhí	1	2	23/09/1941
	Đinh văn Hiếu	4	1	19/09/1985
	Đinh Thị Vênh	5	2	01/01/1986
	Đinh Thị Hôn	5	2	25/07/2003
	Đinh Thị Hoa Hồng	5	2	14/02/2011
02	Đinh Thị Tư	1	2	31/03/1948
	Đinh Thị Bích	4	2	17/11/1999
	Đinh Văn Bia	5	1	09/08/1998
03	Đinh Thị Đỗ	1	2	03/10/1938
	Đinh Thị Hạnh	5	2	27/12/2005
	Đinh Thị Kim Quỳnh	5	2	01/01/2012
04	Đinh Thị Nhớ	1	2	01/01/1949
	Đinh Gan	3	1	14/05/1989
	Đinh Thị Oan	5	2	01/01/1987
	Đinh Kiên	4	1	21/02/2015
05	Đinh Thị Trung	1	2	01/01/1965
B	Danh sách hộ thoát cận nghèo			
I	Thôn Làng Ren (số hộ 0, số khẩu 0)			
II	Thôn Cà Xen (số hộ 05, số khẩu 23)			05
01	Đinh Văn Phân (Chủ hộ)	1	1	04/03/1981
	Đinh Thị Long	2	2	04/10/1983
	Đinh Thị Sì	3	2	11/07/2008
	Đinh Văn Vinh	3	1	30/12/2006
	Đinh Văn Vi	3	1	26/12/2012
02	Đinh Tấn Hùng (Chủ hộ)	1	1	07/03/1980
	Đinh Thị Hao	3	2	24/4/1981
	Đinh Thị Hiên	3	2	07/12/2003
	Đinh Tấn Du	3	1	24/03/2012
	Đinh Gia Bảo	3	1	27/8/2022
	Đinh Thị Ri (Chủ hộ)	1	2	16/1/1983

03	Đinh Thị Chim	3	2	08/07/2006
	Đinh Văn Chiêu	3	1	01/01/1999
	Đinh Thị Đình	5	2	20/1/2001
	Đinh Thị Bích Huyền	5	2	16/9/2017
	Đinh Thị Bích Hạnh	5		09/12/2021
04	Đinh Văn Trình (Chủ hộ)	1	1	22/11/1989
	Đinh Thị Lành	2	2	18/8/1988
	Đinh Thị Hồng	3	2	30/3/2012
	Đinh Thị Mỹ Hạnh	3	2	11/02/2013
	Đinh Tiến Hiệp	3	1	27/8/2021
05	Đinh Thị Lễ (Chủ hộ)	1	2	01/01/1982
	Đinh Văn Biên	3	1	04/07/2003
III	Thôn Làng Trê (số hộ 04, số khẩu 14)			04
01	Đinh Văn Hách	1	1	07/08/1987
	Đinh Thị Soan	2	2	09/08/1996
	Đinh Thị Kỳ	1	1	18/8/2013
	Đinh Thị Thủy Tuyền	2	2	20/08/2016
02	Đinh Văn Lý	3	2	04/10/1987
	Đinh Thị Phố	3	1	07/03/1989
	Đinh Văn Thiên	1	1	22/5/2008
	Đinh Thị Bảo Thy	2	2	22/3/2012
03	Đinh Văn Ngo	1	1	07/06/1977
	Đinh Thị Đáo	2	2	11/10/1977
	Đinh Thị Lệ	3	2	03/05/2002
04	Đinh Thị Thừa	1	2	10/09/1994
	Đinh Thị Tâm	3	2	02/12/2013
	Đinh Văn Tài	3	1	26/4/2011
IV	Thôn Làng Giữa (số hộ 01, số khẩu 04)			01
01	Đinh Văn Hới (Chủ hộ)	1	1	05/06/1987
	Đinh Thị Sin	2	2	15/03/1992
	Đinh Thị Hoàng Việt	3	2	13/03/2012
	Đinh Hoàng Nam	3	1	27/05/2016
V	Thôn Gò Nhiêu (số hộ 01, số khẩu 04)			03
01	Đinh Thị Dền (Chủ hộ)	1	2	01/01/1959
	Đinh Thị Búp	3	2	01/01/1989
	Đinh Thị Tha	5	2	20/10/2006
	Đinh A Tú	5	1	14/04/2023
	Đinh Minh Phương	5	1	27/02/2019
02	Đinh Thị Cây (Chủ hộ)	1	2	02/01/1943
03	Đinh Rời (Chủ hộ)	1	1	09/10/1877
	Đinh Thị Iêm	2	2	19/05/1977
	Đinh Thị Thùy Duyên	5	2	07/12/2023

VI	<i>Thôn An Phương (số hộ 03, số khẩu 06)</i>	1		03
01	Đinh Văn Măng (Chủ hộ)	1	1	01/01/1974
	Đinh Thị Yên	2	2	25/09/1985
02	Đinh Kỷ (Chủ hộ)	1	1	01/01/1965
	Đinh Thị Cua (Chủ hộ)	2	2	02/01/1964
03	Đinh Văn Reo (Chủ hộ)	1	1	10/06/1971
	Đinh Thị Kỳ	2	2	01/01/1977
VII	<i>Thôn Thượng Đố (số hộ 03, số khẩu 10)</i>			03
01	Đinh Văn Vóc	1	1	07/07/1978
	Đinh Thị Côn	2	2	20/07/1980
	Đinh Văn Hôn	3	1	10/07/2002
	Đinh Thị Hòa	3	2	04/02/2003
	Đinh Thái Hữu	5	1	18/12/2023
02	Đinh Thị Dỗ	1	2	01/01/1973
03	Đinh Văn Sim	1	1	09/07/1999
	Đinh Thị Siêm	2	2	01/04/2002
	Đinh Thị Tuệ Nhi	3	2	15/10/2023
	Đinh Thị Tổ Uyên	3	2	13/03/2019
VIII	<i>Thôn An Thanh (số hộ 03, số khẩu 10)</i>			03
01	Đinh Thơ (Chủ hộ)	1	1	10/02/1979
	Đinh Thị Doa	2	2	01/01/1981
02	Đinh Văn Ngô (Chủ hộ)	1	1	20/10/1985
	Đinh Thị Bách	2	2	01/09/1983
	Đinh Thị Nương	3	2	26/06/2003
	Đinh Công Bảy	3	1	07/01/2019
03	Đinh Thiêu (Chủ hộ)	1	1	13/06/1987
	Đinh Thị Phở	2	2	10/05/1989
	Đinh Gia Huy	3	1	07/09/2008
	Đinh Thị Mẫn	3	2	04/05/2019
IX	<i>Thôn Đồng Cản (số hộ 03, số khẩu 10)</i>			03
01	Đinh Văn Ngược (Chủ hộ)	1	1	10/10/1967
	Đinh Thị Bía	2	2	20/10/1969
02	Đinh Văn Ngúi (Chủ hộ)	1	1	01/01/1972
03	Đinh K Ráp (Chủ hộ)	1	1	23/08/1992
	Đinh Thị Dôm	2	2	25/10/1992
	Đinh Thị Thu Ngân	3	2	23/06/2011
	Đinh Thị Minh Nguyệt	3	2	28/10/2020
X	<i>Thôn Đồng Vang (số hộ 02, số khẩu 03)</i>			02
01	Đinh Lát (Chủ hộ)	1	1	01/01/1966
02	Đinh Thị Tài (Chủ hộ)	1	2	01/01/1976
	Đinh Thị Sa	3	2	28/12/2008

XI	Thôn 1 (số hộ 4, số khẩu 23)			4
01	Nguyễn Đây (Chủ hộ)	1	1	10/11/1951
	Trần Thị Hương	2	2	10/10/1951
	Nguyễn Thị Hoà	3	2	01/11/1983
	Nguyễn Đức Thống	3	1	10/08/1983
	Nguyễn Đức Truyền	3	1	02/10/1989
	Lê Nguyễn Bảo Vi	5	2	05/09/2006
02	Đỗ Thị Kỳ (Chủ hộ)	1	2	14/05/1947
	Tô Hữu Trí	3	1	11/01/1978
	Trần Minh Khang	5	1	05/09/2015
	Dương Thị Út	3	2	18/07/1981
	Tô Thị Yến Tri	3	2	20/09/1983
	Tô Hữu Trường	5	1	08/04/2006
	Trần Anh Khoa	5	1	11/05/2008
03	Đoàn Thị Cảnh (Chủ hộ)	1	2	24/04/1946
04	Lê Thị Chắp (Chủ hộ)	1	2	06/09/1945
	Phan Ngọc Tư	3	1	06/03/1986
	Nguyễn Thị Thoá	3	2	16/01/1992
	Phan Ngọc Thái	5	1	11/09/2018
	Phan Nguyễn Thuý An	5	2	09/11/2021
XII	Thôn 2 (số hộ 06, số khẩu 31)			05
01	Nguyễn Thị Thu (Chủ hộ)	1	2	08/03/1957
	Nguyễn Hoàng Trạng Tuấn	3	1	25/01/2000
	Nguyễn Hữu Mai	5	1	12/10/1964
02	Trần Tân (Chủ hộ)	1	1	
	Nguyễn Thị Mun	2	2	
	Trần Thị Bích Hỷ	3	2	25/11/1985
	Trần Thiên Thanh	3	1	06/11/1989
	Trần Thiên Bô	3	1	
	Trần Thị Thanh Thắng	3	2	
	Trần Thụ Thu Thảo	5	2	07/02/2009
	Trần Phương Uyên	5	2	13/04/2014
	Trần Thanh Nhân	5	2	
03	Phạm Thị Miên (Chủ hộ)	1	2	01/01/1947
	Nguyễn Linh	3	1	10/11/1988
	Nguyễn Hương	3	1	
	Nguyễn Hoàng Quang	5	1	
04	Bùi Thị Hoàng (Chủ hộ)	1	2	13/03/1930
05	Trần Hợi (Chủ hộ)	1	1	02/07/1961
	Trần Hùng	3	1	16/08/1981
	Trần Huy	5	1	29/08/2008
	Trần Thị Yên	5	2	28/08/2010
	Trần Đăng Khoa	5	1	12/06/2016

XIII	Thôn 3 (số hộ 02, số khẩu 05)			02
01	Đàm Thuộc (Chủ hộ)	1	1	12/01/1946
	Lê Thị Một	2	2	01/01/1947
	Đàm Quang Hiền	3	1	10/01/1988
02	Võ Thị Lê (Chủ hộ)	1	2	01/01/1953
	Nguyễn Tiến	3	1	20/03/1994
XIV	Thôn Hà Liệt (số hộ 06, số khẩu 14)			09
01	Đinh Cung (Chủ hộ)	1	1	01/01/1963
	Đinh Thị E	1	2	03/06/1977
02	Đinh Thị Khang (Chủ hộ)	1	2	03/04/1994
	Nguyễn Văn Trung	2	1	04/06/1990
	Đinh Thị Phương Châu	3	2	03/12/2019
03	Đinh Thị Vên (Chủ hộ)	1	2	18/12/1957
04	Đinh Thị An (Chủ hộ)	1	2	01/01/1975
	Đinh Cần	2	2	01/01/1974
	Đinh Văn Hì	3	2	20/02/1999
	Đinh Thị Xó	3	2	20/11/2005
05	Đinh Thị Dỗ (Chủ hộ)	1	2	01/12/1969
	Đinh Văn Thăm	2	1	01/01/1982
	Đinh Tường Vy	3	2	24/10/2013
06	Đinh Thị Thum (Chủ hộ)	1	2	03/09/1968
XV	Thôn Hà Bôi (số hộ 02, số khẩu 2)			02
01	Đinh Thị Thiệp (Chủ hộ)	1	2	01/01/1967
02	Đinh Thị Ết (Chủ hộ)	1	2	03/09/1957
XVI	Thôn Hà Xuyên (số hộ 0, số khẩu 0)			
Tổng cộng danh sách: Có 166 hộ nghèo 495 khẩu; Có 51 hộ cận nghèo 132 khẩu				

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

06
10
10
07
03

19

22

05
Mất
17
02
ầu.

Phụ lục 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /11/2025)

Năm rà soát 2025

TT	Thôn/tổ dân phố	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát (chính thức)			
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4	5	6
01	Thôn Làng Ren	93	334	02	2,2	0	0,0
02	Thôn Cà Xen	107	408	08	7,5	01	0,9
03	Thôn Làng Trê	142	475	06	4,2	02	1,4
04	Thôn Làng Giữa	86	287	07	8,1	0	0,0
05	Thôn Gò Nhiêu	156	565	06	3,8	01	0,6
06	Thôn An Phương	126	517	06	4,8	01	0,8
07	Thôn Thượng Đố	147	592	08	5,4	01	0,7
08	Thôn An Thanh	143	586	08	5,6	01	0,7
09	Thôn Đồng Càn	185	714	08	4,3	02	1,1
10	Thôn Đồng Vang	190	704	06	3,2	03	1,6
11	Thôn 1	283	1.178	03	1,1	05	1,8
12	Thôn 2	247	247	03	1,2	05	2,0
13	Thôn 3	210	791	04	1,9	07	3,3
14	Thôn Hà Bôi	192	617	09	4,7	02	1,0
15	Thôn Hà Xuyên	191	585	19	9,9	01	0,5
16	Thôn Hà Liệt	190	643	07	3,7	04	2,1
Tổng cộng		2.688	9.243	110	4,09	36	1,34

Phụ lục 02

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ NGHÈO TRONG NĂM

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày tháng năm 2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ nghèo			Diễn biến tăng số hộ nghèo				Tổng số hộ nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)
				Số hộ thoát nghèo		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ nghèo đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm		Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...	
				Trở thành hộ cận nghèo	Vượt chuẩn cận nghèo			Tái nghèo	Phát sinh mới		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
01	Thôn Làng Ren	Hộ	15	0	13	0	0	0	0	0	02
		Nhân khẩu	53	0	43	0	0	0	0	0	10
02	Thôn Cà Xen	Hộ	33	0	25	0	0	0	0	0	8
		Nhân khẩu	123	0	103	0	0	0	0	0	20
03	Thôn Làng Trê	Hộ	39	0	13	0	0	0	0	0	06
		Nhân khẩu	131	0	40	0	0	0	0	0	08
04	Thôn Làng Giữa	Hộ	20	0	13	0	0	0	0	0	7
		Nhân khẩu	54	0	40	0	0	0	0	0	12
05	Thôn Gò Nhiêu	Hộ	15	0	09	0	0	0	0	0	6
		Nhân khẩu	36	0	20	0	0	0	0	0	14
06	Thôn An Phương	Hộ	13	0	7	0	0	0	0	0	6
		Nhân khẩu	35	0	20	0	0	0	0	0	12
07	Thôn Thượng Đổ	Hộ	16	0	8	0	0	0	0	0	08
		Nhân khẩu	71	0	37	0	0	0	0	0	32
08	Thôn An Thanh	Hộ	18	0	10	01	0	0	0	0	8
		Nhân khẩu	39	0	25	01	0	0	0	0	15
09	Thôn Đồng Cản	Hộ	18	0	11	0	0	0	0	0	8
		Nhân khẩu	48	0	31	0	0	0	0	0	21
10	Thôn Đồng Vang	Hộ	16	0	10	1	0	0	0	0	6
		Nhân khẩu	30	0	19	2	0	0	0	0	11

11	Thôn 1	Hộ	04	0	4	0	0	0	1	0	3
		Nhân khẩu	17	0	19	0	0	0	1	0	16
12	Thôn 2	Hộ	04	2	0	0	1	0	0	0	3
		Nhân khẩu	13	9	0	0	3	0	0	0	8
13	Thôn 3	Hộ	05	0	1	0	0	0	0	0	4
		Nhân khẩu	13	0	2	0	0	0	0	0	12
14	Thôn Hà Bôi	Hộ	17	0	7	0	0	0	0	0	9
		Nhân khẩu	36	0	14	0	0	0	0	0	14
15	Thôn Hà Xuyên	Hộ	24		5	0	0	0	0	0	19
		Nhân khẩu	33		16	0	0	0	0	0	25
16	Thôn Hà Liệt	Hộ	14	0	8	0	1	0	0	0	7
		Nhân khẩu	18	0	8	0	1	0	0	0	8
Tổng cộng		Hộ	271	02	144	02	02	00	01	00	110
		Nhân khẩu	750	09	437	03	04	00	01	00	238

Phụ lục 03

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN HỘ CẬN NGHÈO TRONG NĂM

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ	Tổng số hộ cận nghèo đầu năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	Diễn biến giảm số hộ cận nghèo			Diễn biến tăng số hộ cận nghèo			Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền)	
				Số hộ thoát cận nghèo	Số hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo	Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, hộ đơn thân chết đi, chuyển đi nơi khác, tách, nhập với hộ khác,...	Số hộ nghèo trở thành hộ cận nghèo	Số hộ ngoài danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn đột xuất trong năm			Nguyên nhân: thay đổi nhân khẩu, chuyển đến, tách, nhập với hộ khác,...
								Tái cận nghèo	Phát sinh mới		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
01	Thôn Làng Ren	Hộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Nhân khẩu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
02	Thôn Cà Xen	Hộ	06	5	0	0	0	0	0	0	1
		Nhân khẩu	30	23	0	0	0	0	0	0	2
03	Thôn Làng Trê	Hộ	06	4	0	0	0	0	0	0	2
		Nhân khẩu	20	14	0	0	0	0	0	0	5
04	Thôn Làng Giữa	Hộ	01	1	0	0	0	0	0	0	0
		Nhân khẩu	04	4	0	0	0	0	0	0	0
05	Thôn Gò Nhiều	Hộ	04	3	0	0	0	0	0	0	1
		Nhân khẩu	11	9	0	0	0	0	0	0	3
06	Thôn An Phương	Hộ	04	3	0	0	0	0	0	0	1
		Nhân khẩu	10	6	0	0	0	0	0	0	4
07	Thôn Thượng Đổ	Hộ	04	3	0	0	0	0	0	0	1
		Nhân khẩu	10	10	0	0	0	0	0	0	4
08	Thôn An Thạnh	Hộ	04	03	0	0	0	0	0	0	1

08	Thôn An Nhơn	Nhân khẩu	14	10	0	0	0	0	0	0	1
09	Thôn Đồng Cần	Hộ	05	3	0	0	0	0	0	0	2
		Nhân khẩu	15	7	0	0	0	0	0	0	8
10	Thôn Đồng Vang	Hộ	05	2	0	0	0	0	0	0	3
		Nhân khẩu	10	3	0	0	0	0	0	0	9
11	Thôn 1	Hộ	09	4	0	0	0	0	1	0	5
		Nhân khẩu	30	19	0	0	0	0	1	0	25
12	Thôn 2	Hộ	07	5	1	0	2	0	0	0	5
		Nhân khẩu	32	22	3	0	9	0	0	0	17
13	Thôn 3	Hộ	09	2	0	0	0	0	0	0	7
		Nhân khẩu	19	5	0	0	0	0	0	0	21
14	Thôn Hà Bôi	Hộ	04	2	0	0	0	0	0	0	2
		Nhân khẩu	09	2	0	0	0	0	0	0	4
15	Thôn Hà Xuyên	Hộ	01	0	0	0	0	0	0	0	1
		Nhân khẩu	02	0	0	0	0	0	0	0	2
16	Thôn Hà Liệt	Hộ	11	9	1	0	0	0	0	0	4
		Nhân khẩu	24	17	2	0	0	0	0	0	8
Tổng cộng		Hộ	80	49	02	00	02	00	01	00	36
		Nhân khẩu	240	151	05	00	09	00	01	00	113

Phụ lục 04

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	Thôn Làng Ren	2	2	0	0	2	2	0	0	0	2	1	0	1
02	Thôn Cà Xen	8	2	0	0	6	3	0	4	1	6	6	4	5
03	Thôn Làng Trê	6	0	0	0	6	0	0	4	0	0	6	5	6
04	Thôn Làng Giữa	7	6	0	0	0	0	0	1	1	7	7	6	5
05	Thôn Gò Nhiêu	6	6	2	1	0	1	0	3	1	2	5	5	5
06	Thôn An Phương	6	1	1	1	6	1	0	1	0	1	1	6	4
07	Thôn Thượng Đổ	8	1	6	0	0	1	0	1	4	0	5	1	1
08	Thôn An Thanh	8	7	0	0	5	0	0	3	0	3	3	7	4
09	Thôn Đồng Càn	8	1	2	1	7	1	1	1	1	5	6	4	2
10	Thôn Đồng Vang	6	4	0	1	1	1	0	1	1	0	3	4	2
11	Thôn 1	3	3	3	0	1	0	0	0	1	0	1	0	0
12	Thôn 2	3	3	0	0	0	1	0	1	0	3	2	3	0
13	Thôn 3	4	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
14	Thôn Hà Bôi	9	0	0	0	0	0	0	4	4	7	2	7	3
15	Thôn Hà Xuyên	19	18	0	0	0	0	1			8	19	19	18
16	Thôn Hà Liệt	7	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	6	6
Tổng cộng		110	57	18	04	34	11	02	24	14	44	70	79	62

Phụ lục 05
PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ NGHÈO
(Kèm theo Báo cáo, Quyết định phê duyệt)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo (so với tổng số hộ nghèo)										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
01	Thôn Làng Ren	02	100	0	0	100	100	0	0	0	100	50	0
02	Thôn Cà Xen	08	25	0	0	75	38	0	50	13	75	75	50
03	Thôn Làng Trê	06	0	0	0	100	0	0	67	0	0	100	83
04	Thôn Làng Giữa	07	86	0	0	0	0	0	14	14	100	100	86
05	Thôn Gò Nhiêu	06	100	33	17	0	17	0	50	17	33	83	83
06	Thôn An Phương	06	17	17	17	100	17	0	17	0	17	17	100
07	Thôn Thượng Đố	08	13	75	0	0	13	0	13	50	0	63	13
08	Thôn An Thanh	08	88	0	0	63	0	0	38	0	38	38	88
09	Thôn Đồng Cần	08	13	25	13	88	13	13	13	13	63	75	50
10	Thôn Đồng Vang	06	67	0	17	17	17	0	17	17	0	50	67
11	Thôn 1	03	100	100	0	33	0	0	0	33	0	33	0
12	Thôn 2	03	100	0	0	0	33	0	33	0	100	67	100
13	Thôn 3	04	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	50
14	Thôn Hà Bôi	09	0	0	0	0	0	0	44	44	78	22	78
15	Thôn Hà Xuyên	19	95	0	0	0	0	5	0	0	42	100	100
16	Thôn Hà Liệt	07	43	0	0	0	0	0	0	0	0	43	86
	Tổng cộng	110	53	22	4	36	15	1	22	13	40	57	65

mẫu 9

12
50
63
100
71
83
67
13
50
25
33
0
0
0
33
95
86
48

Phụ lục 06

PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ cận nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	Thôn Làng Ren	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
02	Thôn Cà Xen	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	1
03	Thôn Làng Trê	2	0	0	0	1	1	0	1	1	0	2	2	2
04	Thôn Làng Giữa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
05	Thôn Gò Nhiêu	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0
06	Thôn An Phương	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1
07	Thôn Thượng Đổ	1	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
08	Thôn An Thanh	01	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
09	Thôn Đồng Càn	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0
10	Thôn Đồng Vang	3	2	0	0	0	0	0	1	2	0	0	1	1
11	Thôn 1	5	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
12	Thôn 2	5	1	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1	0
13	Thôn 3	7	2	6	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
14	Thôn Hà Bôi	2	0	0	0	0	0	0	2	0	1	1	0	0
15	Thôn Hà Xuyên	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
16	Thôn Hà Liệt	4	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	3	2
Tổng cộng		36	08	08	00	04	03	01	07	04	04	06	15	08

Phụ lục 07

PHÂN TÍCH TỶ LỆ CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Thôn, tổ dân phố	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo (so với tổng số hộ cận nghèo)											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	Thôn Làng Ren	00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
02	Thôn Cà Xen	01	0	0	0	100	0	0	0	0	0	100	100	100
03	Thôn Làng Trê	02	0	0	0	50	50	0	50	50	0	100	100	100
04	Thôn Làng Giũa	00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
05	Thôn Gò Nhiều	01	0	0	0	0	100	100	0	0	0	0	100	0
06	Thôn An Phương	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	100
07	Thôn Thượng Đổ	01	100	0	0	0	0	0	100	0	0	0	100	0
08	Thôn An Thanh	01	0	0	0	0	0	0	100	0	0	0	100	0
09	Thôn Đồng Càn	02	0	0	0	100	0	0	0	0	100	0	0	0
10	Thôn Đồng Vang	03	67	0	0	0	0	0	33	67	0	0	33	33
11	Thôn 1	05	0	40	0	0	0	0	0	20	0	0	0	0
12	Thôn 2	05	25	0	0	0	0	0	25	0	25	25	25	0
13	Thôn 3	07	29	86	0	0	0	0	0	0	0	0	29	0
14	Thôn Hà Bôi	02	0	0	0	0	0	0	100	0	50	50	0	0
15	Thôn Hà Xuyên	01	100	0	0	0	0	0	0	0	0	100	100	100
16	Thôn Hà Liệt	04	25	0	0	0	25	0	0	0	0	0	75	50
Tổng cộng		36	22	8	0	16	11	6	26	9	11	23	54	30

Phụ lục 08

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Thôn, tổ dân phố	Phân tổ (Hộ, nhân khẩu)	Tổng số hộ dân cư	Số hộ dân tộc thiểu số	Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng							
					Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Hộ nghèo dân tộc thiểu số ¹	Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo không có khả năng lao động ²	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng ³	Hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Thôn Làng Ren	Hộ	93	93	02	0	2	0	0	0	0	0
		Nhân khẩu	334	334	10	0	10	0	0	0	0	0
02	Thôn Cà Xen	Hộ	107	107	8	1	8	1	6	0	0	0
		Nhân khẩu	408	408	20	2	20	2	11	0	0	0
03	Thôn Làng Trê	Hộ	142	142	06	2	06	2	6	2	0	0
		Nhân khẩu	475	475	08	5	08	5	8	5	0	0
04	Thôn Làng Giữa	Hộ	86	86	7	0	7	0	0	0	0	0
		Nhân khẩu	287	287	12	0	12	0	0	0	0	0
05	Thôn Gò Nhiêu	Hộ	156	156	6	1	6	1	3	0	0	0
		Nhân khẩu	565	565	14	3	14	3	3	0	0	0
06	Thôn An Phương	Hộ	126	126	6	1	6	1	2	0	0	0
		Nhân khẩu	517	517	12	4	12	4	5	0	0	0
07	Thôn Thượng Đổ	Hộ	147	147	08	1	08	1	1	0	0	0
		Nhân khẩu	592	592	32	4	32	4	1	0	0	0
08	Thôn An Thanh	Hộ	143	141	8	1	08	01	5	0	0	0
		Nhân khẩu	586	581	15	1	15	01	8	0	0	0
09	Thôn Đồng Cản	Hộ	185	154	8	2	8	2	0	0	0	0
		Nhân khẩu	714	579	21	8	21	8	0	0	0	0
10	Thôn Đồng Vàng	Hộ	190	190	6	3	6	3	0	0	0	0

		Nhân khẩu	704	704	11	9	11	9	0	0	0	0
11	Thôn 1	Hộ	283	283	3	5	0	0	3	3	0	0
		Nhân khẩu	1.178	1.178	16	25	0	0	16	8	0	0
12	Thôn 2	Hộ	247	247	3	5	0	0	0	0	0	0
		Nhân khẩu	247	247	8	17	0	0	0	0	0	0
13	Thôn 3	Hộ	210	210	4	7	0	0	6	7	0	0
		Nhân khẩu	791	791	12	21	0	0	12	21	0	0
14	Thôn Hà Bôi	Hộ	192	191	9	2	9	2	0	0	0	0
		Nhân khẩu	617	613	14	4	14	4	0	0	0	0
15	Thôn Hà Xuyên	Hộ	191	189	19	1	19	1	2	0	0	0
		Nhân khẩu	585	576	25	2	25	2	4	0	0	0
16	Thôn Hà Liệt	Hộ	190	190	7	4	7	4	0	0	0	0
		Nhân khẩu	643	643	8	8	8	8	0	0	0	0
Tổng cộng		Hộ	2.688	2.652	110	36	100	19	34	12	0	0
		Nhân khẩu	9.243	9.090	238	113	202	50	68	34	0	0

Phụ lục 09
PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NHÓM DÂN TỘC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Khu vực/Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tổng số hộ nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số						Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc Kinh	Tổng số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số					
				Tổng số	Hre	Hoa	Tày	Thái				Tổng số	Hre	Hoa	Tày	Thái	
A	B	1=2+3	2	3=4+5..	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11=12+13+..	12	13	14	15	...
01	Thôn Làng Ren	2	0	2	2					0	0	0	0				
02	Thôn Cà Xen	8	0	8	8					1	0	1	1				
03	Thôn Làng Trê	6	0	6	6					2	0	2	2				
04	Thôn Làng Giữa	7	0	7	7					0	0	0	0				
05	Thôn Gò Nhiều	6	0	6	6					1	0	1	1				
06	Thôn An Phương	6	0	6	6					1	0	1	1				
07	Thôn Thượng Đổ	8	0	8	8					1	0	1	1				
08	Thôn An Thanh	8	0	8	8					1	0	1	1				
09	Thôn Đồng Cản	8	0	8	8					2	0	2	2				
10	Thôn Đồng Vang	6	0	6	6					3	0	3	3				
11	Thôn 1	3	3	0	0					5	5	0	0				
12	Thôn 2	3	3	0	0					5	5	0	0				
13	Thôn 3	4	4	0	0					7	7	0	0				
14	Thôn Hà Bôi	9	0	9	9					2	0	2	2				
15	Thôn Hà Xuyên	19	0	19	19					1	0	1	1				
16	Thôn Hà Liệt	7	0	7	7					4	0	4	4				
Tổng cộng		110	10	100	100					36	17	19	19				

Phụ lục 10

PHÂN TÍCH HỘ NGHÈO THEO CÁC NGUYÊN NHÂN NGHÈO, CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày /11/2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận

TT	Thôn, tổ dân phố	Nguyên nhân nghèo, cận nghèo					
		Không có đất sản xuất	Không có vốn sản xuất, kinh doanh	Không có lao động	Không có công cụ/ phương tiện sản xuất	Không có kiến thức về sản xuất	Không có kỹ năng lao động, sản xuất
A	B	1	2	3	4	5	6
01	Thôn Làng Ren	2	2	0	0	0	0
	- Hộ nghèo	2	2	0	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	0
02	Thôn Cà Xen	4	0	7	0	7	6
	- Hộ nghèo	4	0	6	0	6	5
	- Hộ cận nghèo	0	0	1	0	1	1
03	Thôn Làng Trê	0	0	6	0	0	1
	- Hộ nghèo	0	0	6	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	1
04	Thôn Làng Giữa	2	4	4	0	2	0
	- Hộ nghèo	2	4	4	0	2	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	0
05	Thôn Gò Nhiêu	2	4	5	0	2	0
	- Hộ nghèo	2	4	4	0	2	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	1	0	0	0
06	Thôn An Phương	2	3	4	0	0	3
	- Hộ nghèo	2	2	4	0	0	2
	- Hộ cận nghèo	0	1	0	0	0	1
07	Thôn Thượng Đổ	5	7	1	0	0	0
	- Hộ nghèo	5	7	0	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	1	0	0	0
08	Thôn An Thanh	1	0	4	0	1	0
	- Hộ nghèo	1	0	4	0	1	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	0
09	Thôn Đồng Cầm	0	0	0	0	0	0
	- Hộ nghèo	0	0	0	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	0
10	Thôn Đồng Vang	2	0	6	0	0	1
	- Hộ nghèo	1	0	5	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	1	0	1	0	0	1

11	Thôn 1						
	- Hộ nghèo	2	0	1	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	5	3	0	0	0	0
12	Thôn 2	0	0	0	0	0	0
	- Hộ nghèo	0	0	0	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	0
13	Thôn 3	0	4	4	0	3	3
	- Hộ nghèo	0	2	1	0	1	0
	- Hộ cận nghèo	0	2	3	0	2	3
14	Thôn Hà Bôi	0	0	3	0	0	4
	- Hộ nghèo	0	0	3	0	0	3
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	1
15	Thôn Hà Xuyên	3	1	19	1	2	2
	- Hộ nghèo	3	1	18	0	1	1
	- Hộ cận nghèo	0	0	1	1	1	1
16	Thôn Hà Liệt	0	0	0	0	0	0
	- Hộ nghèo	0	0	0	0	0	0
	- Hộ cận nghèo	0	0	0	0	0	0
III	Tổng cộng	30	28	64	1	17	20
	- Hộ nghèo	24	22	56	0	13	11
	- Hộ cận nghèo	6	6	8	1	4	9

HÈO

nghèo xã Minh Long)

[illegible]

0	0
0	1
0	0
0	0
0	0
4	0
3	0
1	0
4	0
3	0
1	0
3	Già yếu
3	17
0	0
0	0
0	0
0	0
18	21
15	20
3	1

Phụ lục 11

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THIẾU HỤT CỦA TRẺ EM THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /11/2025 của UBND xã Minh Long
0

TT	Thôn, tổ dân phố	Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo				Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo			
		Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục	Tổng số trẻ em	Y tế		Giáo dục
			Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học		Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế	Chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng	Chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học
	Đơn vị tính	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ	Trẻ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
01	Thôn Làng Ren	2	0	2	0	0	0	0	0
02	Thôn Cà Xen	0	0	0	0	0	0	0	0
03	Thôn Làng Trê	0	0	0	0	0	0	0	0
04	Thôn Làng Giữa	0	0	0	0	0	0	0	0
05	Thôn Gò Nhiêu	0	0	0	0	1	0	0	1
06	Thôn An Phương	0	0	0	0	0	0	0	0
07	Thôn Thượng Đổ	0	0	0	0	0	0	0	0
08	Thôn An Thanh	0	0	0	0	0	0	0	0
09	Thôn Đồng Càn	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Thôn Đồng Vang	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thôn 1	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Thôn 2	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Thôn 3	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Thôn Hà Bôi	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Thôn Hà Xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Thôn Hà Liệt	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		2	0	2	0	1	0	0	1

Danh sách kết quả rà soát hộ nghèo định kỳ năm 2025 theo chuẩn giai đoạn 2022-2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày tháng năm 2025 của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Minh Long)

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo												Nguyên Nhân				
									1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5
01	Đinh Thị Ích	3	Hrê	2	01/01/1982	Làng Ren			x			x	x				x	x			x	x			
02	Đinh Thị Liên	7	Hrê	2	08/02/1979	Làng Ren			x			x	x				x			x	x	x			
I. Kết quả rà soát Làng Ren:									2			2	2				2	1		1	2	2			
01	Đinh Văn Mậu	1	Hrê	1	08/06/1975	Cà Xen						x					x	x	x	x			x		x
02	Đinh Thị Số	1	Hrê	2	02/01/1956	Cà Xen								x			x	x		x			x		x
03	Đinh Văn Ría	4	Hrê	1	01/01/1961	Cà Xen			x			x	x		x	x	x	x			x				x
04	Đinh Văn Tranh	1	Hrê	1	01/01/1977	Cà Xen	x					x					x		x	x	x		x		
05	Đinh Văn Mau	1	Hrê	1	19/06/1944	Cà Xen	x					x					x	x	x	x	x		x		x
06	Đinh Văn Suông	4	Hrê	1	02/10/1998	Cà Xen			x			x	x		x		x	x			x		x		x
07	Đinh Thị Đú	1	Hrê	2	01/01/1965	Cà Xen	x					x	x		x			x	x	x			x		x
08	Đinh Văn Gách	7	Hrê	2	01/01/1978	Cà Xen																			
II. Kết quả rà soát Cà Xen:							3		2			6	3		4	1	6	6	4	5	4		6		6
01	Đinh Thị Lam	1	Hrê	2	01/01/1958	Làng Trê	x					x			x			x	x	x			x		
02	Đinh Thị Lên	1	Hrê	2	06/10/1963	Làng Trê	x					x			x			x	x	x			x		
03	Đinh Thị Tráy	1	Hrê	2	08/06/1963	Làng Trê	x					x						x	x	x			x		
04	Đinh Thị Bình	1	Hrê	2	01/01/1966	Làng Trê	x					x			x			x	x	x			x		
05	Đinh Thị Xăng	2	Hrê	2	04/02/1951	Làng Trê	x					x						x	x	x			x		
06	Đinh Thị Đồ	2	Hrê	2	07/07/1960	Làng Trê	x					x			x			x		x			x		
III. Kết quả rà soát Làng Trê:							6					6			4			6	5	6			6		
01	Đinh Văn Hói	3	Hrê	1	15/05/1958	Làng Giữa			x								x	x	x	x				x	
02	Đinh Thị Lý	1	Hrê	2	15/06/1960	Làng Giữa			x									x	x	x	x			x	

03	Đinh Thị Rua	2	Hrê	2	02/03/1971	Làng Giữa				x						x		x	x								x	
04	Đinh Thị Xú	2	Hrê	2	15/03/1968	Làng Giữa				x								x	x	x	x	x						
05	Đinh Văn Tia	2	Hrê	1	03/02/1968	Làng Giữa				x								x	x	x	x							x
06	Đinh Thị Đíp	1	Hrê	2	10/07/1980	Làng Giữa												x	x	x	x	x						
07	Đinh Thị Bô	1	Hrê	2	16/09/1959	Làng Giữa				x							x	x	x	x						x		
IV. Kết quả rà soát Làng Giữa:										6						1	1	7	7	6	5	2			2	2	1	
01	Đinh Thị Gia	1	Hrê	2	01/01/1939	Gò Nhiêu	x			x									x	x	x	x						x
02	Đinh Dôm	1	Hrê	1	01/12/1936	Gò Nhiêu				x				x				x	x	x	x			x	x			x
03	Đinh Văn Hành	1	Hrê	1	13/07/1958	Gò Nhiêu				x									x	x	x				x			
04	Đinh Gân	2	Hrê	2	01/01/1956	Gò Nhiêu				x	x								x	x	x			x	x			
05	Đinh Thị Ấp	4	Hrê	2	01/01/1963	Gò Nhiêu				x		x			x			x	x			x		x	x			
06	Đinh Văn Lôi	5	Hrê	1	01/01/1979	Gò Nhiêu				x	x			x	x	x			x			x	x					
V. Kết quả rà soát Gò Nhiêu:										6	2	1		1		3	1	2	5	5	5	2	4	4				2
01	Đinh Thị Lủi	4	Hrê	2	01/01/1966	An Phương				x		x	x	x						x	x	x	x					
02	Đinh Thị Đuối	1	Hrê	2	08/10/1956	An Phương	x						x			x				x					x			
03	Đinh Thị Tiểu	2	Hrê	2	01/01/1956	An Phương	x						x							x					x			
04	Đinh Thị Ồi	3	Hrê	2	01/01/1971	An Phương					x		x					x	x	x	x			x				
05	Đinh Thị Ồi	1	Hrê	2	01/01/1961	An Phương							x							x	x	x			x			
06	Đinh Tây	1	Hrê	1	01/01/1959	An Phương	x						x							x	x				x			
VI. Kết quả rà soát An Phương:										3			1	1	1	6	1		1		1	1	6	4	2	2	4	
01	Đinh Nhá	3	Hrê	1	01/01/1959	Thượng Đố					x					x								x				
02	Đinh Thị Ý	5	Hrê	2	01/01/1964	Thượng Đố					x						x			x				x	x			
03	Đinh Cỏi	4	Hrê	1	01/01/1964	Thượng Đố					x							x		x					x			
04	Đinh Thị Bồi	7	Hrê	2	01/9/2004	Thượng Đố	x				x							x						x	x			
05	Đinh Văn Cờ	3	Hrê	1	01/01/1973	Thượng Đố	x				x													x	x			
06	Đinh Hoanh	6	Hrê	1	01/01/1958	Thượng Đố	x				x							x		x					x			
07	Đinh Thị Táp	1	Hrê	2	01/01/1966	Thượng Đố														x	x	x			x			
08	Đinh Thị Õa	3	Hrê	2	02/5/1981	Thượng Đố					x									x					x	x		
VII. Kết quả rà soát Thượng Đố:										3			1	6			1		1	4			5	1	1	5	7	
01	Đinh Lít	2	Hrê	1	02/09/1959	An Thanh				x			x						x			x						
02	Đinh Văn Enh	2	Hrê	1	01/12/1964	An Thanh				x						x						x						
03	Đinh Thị Thanh	2	Hrê	2	01/01/1956	An Thanh	x			x			x									x	x				x	
04	Đinh Thị Rúp	1	Hrê	2	31/05/1957	An Thanh	x						x						x	x	x	x				x		
05	Đinh Thị Kê	1	Hrê	2	01/01/1960	An Thanh	x			x										x	x	x	x			x		x
06	Đinh Thị Nghĩa	1	Hrê	2	12/10/1961	An Thanh	x			x			x								x					x		
07	Đinh Thị Tho	1	Hrê	2	14/10/1953	An Thanh				x												x	x					

08	Đinh Thị Một	3	Hrê	2	29/03/1993	An Thanh			x			x				x	x								
VIII. Kết quả rà soát An Thanh:							4		7			5			3		3	3	7	4	1		4		1
01	Đinh Thị Bé	1	Hrê	2	01/01/1961	Đồng Cần						x					x	x	x						
02	Trần Thị Minh Hiếu	2	Hrê	2	21/11/1974	Đồng Cần						x					x	x	x						
03	Đinh Thị Kêm	1	Hrê	2	01/01/1959	Đồng Cần						x					x	x	x	x					
04	Đinh Lờ	2	Hrê	1	01/01/1961	Đồng Cần						x					x	x	x						
05	Đinh Ghi	3	Hrê	2	01/01/1956	Đồng Cần			x	x		x						x							
06	Đinh Thị Tiên	4	Hrê	2	01/01/1963	Đồng Cần					x				x	x									
07	Đinh Văn Tăng	5	Hrê	1	10/02/1988	Đồng Cần				x		x		x			x								
08	Đinh Thị Phin	3	Hrê	2	01/01/1975	Đồng Cần						x	x				x	x							
IX. Kết quả rà soát Đồng Cần:									1	2	1	7	1	1	1	1	5	6	4	2					
01	Đinh Văn Bin	2	Hrê	1	23/03/1964	Đồng Vang			x									x	x				x		
02	Đinh Thị Gửi	1	Hrê	2	01/01/1930	Đồng Vang			x					x				x					x		
03	Đinh Thị Lưới	1	Hrê	2	01/01/1975	Đồng Vang									x				x	x			x		
04	Đinh Thị Eo	1	Hrê	2	01/01/1962	Đồng Vang						x							x	x			x		
05	Lê Thị Hồng Sương	1	Hrê	2	02/02/1954	Đồng Vang			x									x	x				x		
06	Đinh Văn Mạnh	5	Hrê	1	12/01/1950	Đồng Vang			x		x		x								x				
X. Kết quả rà soát Đồng Vang:									4		1	1	1		1	1		3	4	2	1		5		
01	Nguyễn Ngọc Thanh	11	Kinh	1	04/01/1975	Thôn 1			x	x						x					x				
02	Nguyễn Thị Nhân	4	Kinh	2	01/12/1968	Thôn 1			x	x								x			x				
03	Trần Thị Thuỷ	1	Kinh	2	10/5/1973	Thôn 1			x	x		x											x		
XI. Kết quả rà soát Thôn 1:									3	3		1			1		1				2		1		
01	Nguyễn Thị Thu	3	Kinh	2	08/03/1957	Thôn 2			x					x			x		x						
02	Phan Thị Chỉ	3	Kinh	2	01/01/1945	Thôn 2			x								x	x	x						
03	Trần Thị Vân	2	Kinh	2	20/01/1946	Thôn 2			x				x				x	x	x						
XII. Kết quả rà soát Thôn 2:									3				1		1		3	2	3						
01	Nguyễn Thị Ngọc	2	Kinh	1	10/10/1959	Thôn 3	x			x									x				x		
02	Lê Thị Nhị	3	Kinh	1	02/02/1955	Thôn 3				x									x			x		x	
03	Cao Thanh Long	5	Kinh	2	01/01/1954	Thôn 3				x												x			
04	Nguyễn Thị Ngoan	2	Kinh	2	01/12/1948	Thôn 3				x															
XIII. Kết quả rà soát Thôn 3:							1			4									2			2	1		1
01	Đinh Thị Lan	1	Hrê	2	06/09/1955	Hà Liet												x	x	x					
02	Đinh Thị Lành	1	Hrê	2	13/01/1945	Hà Liet			x										x	x					
03	Đinh Thép	1	Hrê	1	08/08/1950	Hà Liet			x										x	x					
04	Đinh Thị Thia	1	Hrê	2	01/01/1961	Hà Liet			x										x	x					
05	Đinh Thị Thiết	1	Hrê	2	06/06/1962	Hà Liet													x	x	x				

06	Đinh Thị Long	1	Hrê	2	14/02/1952	Hà Liet												x	x	x					
07	Đinh Thị Tháo	2	Hrê	2	05/09/1956	Hà Liet																			
XIV. Kết quả rà soát Hà Liet:										3								3	6	6					
01	Đinh Tút	02	Hre	01	17/9/1952	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
02	Đinh Thị Bộc	01	Hre	02	01/01/1959	Hà Xuyên	x		x						x			x	x	x	x			x	
03	Đinh Thị Hầy	01	Hre	02	06/11/1941	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
04	Đinh Thị Xanh	01	Hre	02	09/11/1949	Hà Xuyên	x		x						x			x	x	x	x			x	
05	Đinh Thị Bói	02	Hre	02	10/10/1984	Hà Xuyên	x		x				x		x			x	x	x					
06	Đinh Thị P Rút	01	Hre	02	06/03/1941	Hà Xuyên	x		x						x			x	x	x	x			x	
07	Đinh Thị Đôn	01	Hre	02	19/6/1954	Hà Xuyên	x		x						x			x	x	x	x			x	
08	Đinh Thị Thời	01	Hre	02	01/01/1959	Hà Xuyên	x		x						x			x	x	x	x	x		x	
09	Đinh Thị Rã	01	Hre	02	01/01/1919	Hà Xuyên	x		x						x			x	x	x	x			x	
10	Đinh Văn Xiêu	02	Hre	01	10/07/1946	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
11	Đinh Thị Trăm	01	Hre	02	04/10/1947	Hà Xuyên	x		x									x	x	x	x		x		
12	Đinh Cheo	02	Hre	01	20/10/1933	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
13	Đinh Thị Xê	02	Hre	02	20/4/1941	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
14	Đinh Thị Trúc	01	Hre	02	10/09/1953	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
15	Đinh Thị Vay	01	Hre	02	01/01/1946	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
16	Đinh Thị Trang	01	Hre	02	01/12/1965	Hà Xuyên												x	x	x		x	x		x
17	Đinh Phi	02	Hre	01	19/8/1940	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
18	Đinh Thị Dúp	01	Hre	02	01/01/1952	Hà Xuyên	x		x									x	x	x			x		
19	Đinh Thị Bì	01	Hre	02	09/06/1955	Hà Xuyên	x		x						x			x	x	x	x	x	x		
XV. Kết quả rà soát Hà Xuyên:							18		18				1				8	19	19	18	3	1	18		1
01	Đinh Thị Lại	1	Hrê	1	10/01/1955	Hà Bôi							x		x			x					x		
02	Đinh Me	2	Hrê	1	01/01/1959	Hà Bôi							x		x			x							
03	Đinh Thị Trái	1	Hrê	2	05/10/1967	Hà Bôi								x	x			x							
04	Đinh Nhon	2	Hrê	1	01/01/1944	Hà Bôi							x		x			x							
05	Đinh In	2	Hrê	1	13/09/1946	Hà Bôi								x				x	x						
06	Đinh Nghiêu	2	Hrê	1	05/10/1950	Hà Bôi								x	x					x					
07	Đinh Xâm	2	Hrê	1	03/02/1953	Hà Bôi							x		x					x					
08	Đinh Thị Găm	1	Hrê	2	01/01/1940	Hà Bôi								x				x	x				x		
09	Đinh Thị My	1	Hrê	2	20/03/1957	Hà Bôi									x			x	x	x			x		
XVI. Kết quả rà soát Hà Bôi:														4	4	7	2	7	3				3		

[illegible]

[illegible]

		X					
		X					
		X					
		X					
	X	X					
		X					
		X					
		X					
	X	X					
		X					
		X					
		X					
		X					
		X					
		X					
		X					
X	X						
1	3	17					
X							
	X						
	X						
	X						
X							
X							
3	3						

Danh sách kết quả rà soát hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 th
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ, ngày tháng năm 2025 của Ban Chỉ đạo i

TT	Họ và tên chủ hộ	Số khẩu	Dân tộc	Giới tính (Nam 1, Nữ 2)	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	C	
									1	2
01	Đinh Văn Ngăn	2	Hrê	1	01/01/1968	Cà Xen				
I. Kết quả rà soát Cà Xen:										
01	Đinh Thị Bời	1	Hrê	2	18/04/1967	Làng Trê				
02	Đinh Văn Bon	4	Hrê	1	01/01/1960	Làng Trê				
II. Kết quả rà soát Làng Trê:										
01	Đinh Văn Béo	3	Hrê	1	01/01/1975	Gò Nhiêu				
III. Kết quả rà soát Gò Nhiêu:										
01	Đinh Thị Lít	4	Hrê	2	01/01/1976	An Phương				
IV. Kết quả rà soát An Phương:										
01	Đinh Trỗi	2	Hrê	1	01/01/1958	Thượng Đố	x		x	
V. Kết quả rà soát Thượng Đố:							1		1	
01	Đinh Thị Múi	1	Hrê	2	01/12/1936	An Thanh				
VI. Kết quả rà soát An Thanh:										
01	Đinh Văn Bênh	4	Hrê	1	15/03/1990	Đồng Cản				
02	Đinh Thị Beo	4	Hrê	2	29/03/1993	Đồng Cản				
VII. Kết quả rà soát Đồng Cản:										
01	Đinh Văn Bộ	1	Hrê	1	06/01/1951	Đồng Vang			x	
02	Đinh Văn Hồ	3	Hrê	1	01/01/1975	Đồng Vang				
03	Đinh Văn Bi	5	Hrê	1	23/03/1964	Đồng Vang			x	
VIII. Kết quả rà soát Đồng Vang:									2	
01	Nguyễn Hồng	2	Kinh	1	20/10/1951	Thô 1	x			
02	Bùi Kính	17	Kinh	1	21/10/1959	Thô 1				
03	Trần Quốc Toàn	3	Kinh	1	14/12/1990	Thô 1				x
04	Trần Tuấn	5	Kinh	1	02/10/1946	Thô 1	x			x
05	Trần Thị Hợp	2	Kinh	2	01/01/1947	Thô 1	x			
VIII. Kết quả rà soát Thôn 1:										2
01	Trần Thị Điệp	7	Kinh	2	08/03/1957	Thôn 2				
02	Nguyễn Thị Mỹ	2	Kinh	2	01/02/1948	Thôn 2				
03	Lê Thị Cảnh	4	Kinh	2	01/01/1948	Thôn 2			x	
04	Trần Minh Xuân	4	Kinh	1	01/05/1944	Thôn 2				
X. Kết quả rà soát Thôn 2:									1	

01	Huỳnh Thị Liên	4	Kinh	2	01/01/1949	Thôn 3	x			x
02	Nguyễn Thị Năm	1	Kinh	2	01/01/1956	Thôn 3	x			
03	Nguyễn Thị Thanh	5	Kinh	2	20/03/1956	Thôn 3				x
04	Cao Thanh Vân	2	Kinh	1	10/03/1953	Thôn 3	x			x
05	Nguyễn Xuân Thanh	3	Kinh	1	20/07/1936	Thôn 3				x
06	Lê Thị Tư	2	Kinh	2	12/01/1939	Thôn 3			x	x
07	Nguyễn Phúc	4	Kinh	1	02/02/1961	Thôn 3			x	x
XI. Kết quả rà soát Thôn 3:							3		2	6
01	Đinh Thị Thêu	1	Hrê	2	02/03/1968	Hà Liet			x	
02	Đinh Thị Tít	1	Hrê	2	01/12/1982	Hà Liet				
03	Đinh Văn Hốt	2	Hrê	1	10/05/1961	Hà Liet				
04	Đinh Túp	2	Hrê	1	02/06/1961	Hà Liet				
XII. Kết quả rà soát Hà Liet:									1	
01	Đinh Lố	2	Hrê	1	01/01/1945	Hà Xuyên			x	
XIII. Kết quả rà soát Hà Xuyên:									1	
01	Đinh Văng	2	Hrê	1	01/01/1968	Hà Bôi				
02	Đinh Siêng	2	Hrê	1	01/03/1955	Hà Bôi	x			
XIV. Kết quả rà soát Hà Bôi:							1			

										X	X								
							X				X								
										X				X					
							X				X								
															X				
													X	X					
													X	X					
							2			2	3		2	3	1				
							X												
		X																	
							X	X											
							X	X											
		1					3	2											
						X	X	X			X	X	X	X					
						1	1	1			1	1	1	1					
			X			X									X				
			X		X									X					
				2		1	1								1	1			